59. Phường Chơn Thành

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)	700	560	336
2	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	700	560	336
3	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	700	560	336
4	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	700	560	336
5	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố 10)	700	560	336
6	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Phùng Hưng (Ngã ba tổ 9-10, khu phố 10)	Ranh giới phường Minh Hưng	700	560	336
7	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	700	560	336
8	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	700	560	336
9	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7	700	560	336
10	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn phòng Khu phố 7	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ))	700	560	336
11	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đôi	700	560	336
12	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Suối Đôi	Cầu Bàu Bàng	700	560	336
13	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	700	560	336

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
14	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15)Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	700	560	336
15	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ))	700	560	336
16	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	700	560	336
17	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4	700	560	336
18	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	700	560	336
19	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	700	560	336
20	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 62 của ông Huỳnh Duy Kha)	700	560	336
21	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	394	315	189
22	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	394	315	189
23	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	394	315	189
24	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m)	394	315	189

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
25	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)	394	315	189
26	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	394	315	189
27	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	394	315	189
28	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)	394	315	189
29	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	394	315	189
30	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	Phía Đông: Đến ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49	394	315	189
31	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	394	315	189
32	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	394	315	189
33	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		394	315	189
34	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		394	315	189
35	Đường Nguyễn Văn Linh	Trung tâm hành chính phường Chơn Thành	Ngã tư đường Cao Bá Quát	394	315	189
36	Đường Phan Đình Giót (N1)	Toàn tuyến		394	315	189

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
37	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		394	315	189
38	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã	Toàn tuyến		394	315	189
39	Đường Phước Long	Đường 02 tháng 4	Đường D5	394	315	189
40	Đường Phước Long	Đường D5	Cuối tuyến	394	315	189
41	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	394	315	189
42	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	394	315	189
43	Đường Phú Riềng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài	Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193)	394	315	189
44	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	394	315	189
45	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	394	315	189
46	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	394	315	189
47	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	394	315	189
48	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	394	315	189
49	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	394	315	189
50	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)	358	286	172
51	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	358	286	172
52	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
53	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20	394	315	189
54	Đường Lê Duẩn	Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	394	315	189
55	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	394	315	189
56	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	394	315	189
57	Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố 9, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)	Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	358	286	172
58	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	394	315	189
59	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới phường Minh Thành (cũ)	394	315	189
60	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10	394	315	189
61	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ))	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10	Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1)	394	315	189
62	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10	358	286	172
63	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))	Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10	Ngã ba đường tổ 9, khu phố 10 (thửa đất số 1185, tờ bản đồ số 6)	358	286	172
64	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	394	315	189

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
65	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất ăn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	394	315	189
66	Đường Trừ Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)	394	315	189
67	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Đường Trần Quốc Toản	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	358	286	172
68	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	358	286	172
69	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Hết tuyến (Hết ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23)	358	286	172
70	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5	Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102	358	286	172
71	Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố 5	Đường Điểu Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103)	358	286	172
72	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	358	286	172
73	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm)	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28	358	286	172
74	Đường Trần Quốc Toản	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điểu Ong	358	286	172
75	Đường Điểu Ong	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
76	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	358	286	172
77	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		394	315	189
78	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	358	286	172
79	Đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	Hết tuyến (Đến ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6)	358	286	172
80	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	358	286	172
81	Đường Đoàn Thị Điểm	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Ngã ba đường liên Khu phố 9-Khu phố 2	358	286	172
82	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		358	286	172
83	Đường Nguyễn Công Hoan	Quốc lộ 14	Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11)	358	286	172
84	Đường Phạm Thế Hiển	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12)	358	286	172
85	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 02 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	358	286	172
86	Đường Huỳnh Văn Bánh	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh đất thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	358	286	172
87	Đường Tống Duy Tân	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	358	286	172
88	Đường Phan Kế Bính	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	358	286	172
89	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	394	315	189
90	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65)	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
91	Đường Đào Duy Từ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20	358	286	172
92	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20	358	286	172
93	Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố 10 cũ)	Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	394	315	189
94	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố 9	Ngã ba đường Hồ Hảo Hớn	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	358	286	172
95	Đường tổ 11, khu phố 9	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	358	286	172
96	Đường liên khu phố 9 - khu phố 10	Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9	Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6	358	286	172
97	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	358	286	172
98	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 6, tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11	358	286	172
99	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Đường tổ 1 - tổ 12, khu phố 9	358	286	172
100	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	358	286	172
101	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 06)	358	286	172
102	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 - 10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2)	358	286	172
103	Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Đầu ranh thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16	Đường Hồ Chí Minh	358	286	172
104	Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, Khu phố Hiếu Cảm	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	358	286	172
105	Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cảm	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
106	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	358	286	172
107	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Ngã ba hết ranh thửa đất số 270, tờ bản đồ số 118	358	286	172
108	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	Đường Hồ Chí Minh	358	286	172
109	Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm	Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 111	Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 111	358	286	172
110	Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cảm	Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112	358	286	172
111	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	358	286	172
112	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118	358	286	172
113	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Ngã ba đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cảm	358	286	172
114	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cảm (Nhánh 2)	Hết ranh thửa đất 169, tờ bản đồ số 118	358	286	172
115	Đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	358	286	172
116	Đường tổ 4, khu phố Hiếu Cảm	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	358	286	172
117	Đường tổ 6, khu phố Hiếu Cảm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	358	286	172
118	Đường tổ 6, khu phố Hiếu Cảm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	358	286	172
119	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	358	286	172
120	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13)	358	286	172
121	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14)	Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
122	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	358	286	172
123	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10)	358	286	172
124	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	358	286	172
125	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26)	358	286	172
126	Đường tổ 3A, khu phố 4	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	358	286	172
127	Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4	Đất nhà bà Võ Thi Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32)	358	286	172
128	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32	358	286	172
129	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	358	286	172
130	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31)	358	286	172
131	Đường tổ 7, khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản đồ số 32	358	286	172
132	Đường tổ 7, khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
133	Đường tổ 4, khu phố 6	Đường 02 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26)	358	286	172
134	Đường tổ 4, khu phố 6	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27)	358	286	172
135	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6	Đầu ranh đất thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95	Hết thửa đất số 19, tờ bản đồ số 99	358	286	172
136	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6	Đường Nguyễn Huệ	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34	358	286	172
137	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35	358	286	172
138	Đường tổ 8, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34	358	286	172
139	Đường tổ 8, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34	358	286	172
140	Đường tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34	358	286	172
141	Đường tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riềng Đỏ	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34	358	286	172
142	Đường tổ 7, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 29)	Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng)	358	286	172
143	Đường tổ 4, khu phố 8	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30)	Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23)	358	286	172
144	Đường tổ 5, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	358	286	172
145	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23)	Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30	358	286	172
146	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23)	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	358	286	172
147	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8	Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		(thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	đất số 63, tờ bản đồ số 30)			
148	Đường tổ 5, Khu phố 8 (tránh mỏ Cao Lanh)	Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25	358	286	172
149	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Hiếu Cảm	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	358	286	172
150	Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 621, tờ bản đồ số 13)	Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)	358	286	172
151	Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sản 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố 7)	Toàn tuyến		394	315	189
152	Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87)	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	358	286	172
153	Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Giáp đường tổ 3A, Khu phố 4	358	286	172
154	Đường liên Khu phố 10 - Khu phố Trung Lợi	Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na	Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải	358	286	172
155	Đường tổ 6, Khu phố 8 (Đường kế Trạm y tế Chơn Thành)	Toàn tuyến		358	286	172
156	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành	Đầu đất Công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)	700	560	336
157	Đường Quốc lộ 13	Đầu đất công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)	Hết đường số 29	700	560	336
158	Đường Quốc lộ 13	Hết đường số 29	Cầu Tham Rớt	700	560	336
159	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành)	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chơn Thành	358	286	172
160	Đường trục chính Khu công nghiệp Chơn Thành	Đường Quốc lộ 13	Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chơn Thành	394	315	189
161	Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ)	Toàn tuyến		394	315	189
162	Đường D9	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	358	286	172
163	Đường D9	Hết ranh Khu công nghiệp Chơn Thành	Hết tuyến	358	286	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
164	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	394	315	189
165	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119, tờ bản đồ số 210)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	394	315	189
166	Đường thảm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mỳ Thành Công	Hết tuyến (Đường đất)	394	315	189
167	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ số 191)	Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191	358	286	172
168	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	358	286	172
169	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		700	560	336
170	Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ)	Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201)	Hết tuyến	358	286	172
171	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	700	560	336
172	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	700	560	336
173	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	700	560	336
174	Đường Minh Thành - An Long	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	394	315	189
175	Đường Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	394	315	189
176	Đường Minh Thành - An Long	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	394	315	189
177	Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh	394	315	189
178	Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản đồ số 139)	394	315	189

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
179	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thức (thửa đất số 365 tờ bản đồ số 16)	Đường Cao Bá Quát	358	286	172
180	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)(thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176)	358	286	172
181	Đường ĐH 01	Toàn tuyến		394	315	189
182	Đường D1, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	358	286	172
183	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195)	358	286	172
184	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195)	358	286	172
185	Đường số 11	Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281)	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	358	286	172
186	Đường số 11	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157	358	286	172
187	Đường số 25	Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 924, tờ bản đồ số 150	358	286	172
188	Đường số 27	Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154	358	286	172
189	Đường Đồng Hưu - Bầu Nam	Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165	Giáp đường Minh Thành - Bàu Nàm (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129)	394	315	189
190	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên	Toàn tuyến		250	200	120
191	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		250	200	120

60. Xã Nha Bích

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Cầu lò gạch	- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)	600	480	288
2	Đường Quốc lộ 14	- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)	- Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) - Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	600	480	288
3	Đường Quốc lộ 14	- Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) - Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	- Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) - Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	600	480	288
4	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) - Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) - Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	600	480	288
5	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) - Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	600	480	288
6	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47	600	480	288
7	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47	Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu Nha Bích)	600	480	288
8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang)	- Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	600	480	288
9	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	600	480	288

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đất số 74, tờ bản đồ số 102) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 102)				
10	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	- Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 96 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	600	480	288
11	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 96 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Giáp ranh cầu Lò Gạch	600	480	288
12	Đường ĐT 756B	Giáp ranh cầu lò gạch	Hết tuyến (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 62)	420	336	202
13	Đường ĐT 756B	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	420	336	202
14	Đường ĐT 756B	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	Ranh giới xã Tân Quan	420	336	202
15	Đường ĐT 756	Quốc lộ 14	- Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 72)	420	336	202
16	Đường ĐT 756	- Phía Tây: Cổng Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 72)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	420	336	202
17	Đường ĐT 756	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	420	336	202
18	Đường ĐT 756	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng	420	336	202
19	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan	420	336	202
20	Đường huyện lộ ĐH 13	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) - Phía Đông: Đường bê	242	194	116

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)			
21	Đường huyện lộ ĐH 13	- Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) - Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65	242	194	116
22	Đường liên xã Nha Bích - Tân Quan	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Giáp ranh xã Tân Quan	242	194	116
23	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	242	194	116
24	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Giáp ranh xã Tân Quan	242	194	116
25	Đường nhựa ấp 2	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	- Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16)	242	194	116
27	Đường ĐH 10	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	242	194	116
26	Đường ĐH 10	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Đường huyện lộ ĐH13	242	194	116
28	Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3)	Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	242	194	116
29	Đường số 5	Đường Quốc lộ 14	Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55	242	194	116
30	Đường số 5	Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55	Đường ĐT756	242	194	116
31	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79	242	194	116
32	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55)	Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55	242	194	116
33	Đường DH 08	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	242	194	116
34	Đường DH 08	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Giáp ranh phường Minh Thành	242	194	116
35	Đường số 01	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107	242	194	116
36	Đường số 15	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đấu nối với đường huyện lộ ĐH 13	242	194	116
37	Đường số 27	HLLG đường ĐT 756B	Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115	242	194	116
38	Đường ĐH 01	Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62	242	194	116

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
39	Đường số 40	Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62	242	194	116
40	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại chưa quy định cụ thể ở trên	Toàn tuyến		151	121	72
41	Các đường còn lại			151	121	72

61. Phường Bình Long

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	308	246	172
2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	308	246	172
3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	280	224	157
4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82	280	224	157
5	Đường Lê Lợi	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	308	246	172
6	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	308	246	172
7	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	308	246	172
8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Hồng Phong	280	224	157
9	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	308	246	172
10	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	308	246	172
11	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	280	224	157
12	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Đại Hành	Đường Phan Bội Châu	560	448	314
13	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	560	448	314
14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	560	448	314
15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền (cũ)	560	448	314
16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền (cũ)	Đường Nguyễn Thái Học	560	448	314
17	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	308	246	172
18	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	308	246	172
19	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	308	246	172
20	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	308	246	172
21	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	308	246	172
22	Đường Phan Bội Châu	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	308	246	172
23	Đường Phan Bội Châu	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	308	246	172
24	Đường ĐT 752	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tịnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	308	246	172
25	Đường ĐT 752	Đường HCT 1 và Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	Ngã Ba Xe Tăng	308	246	172
26	Đường ĐT 752	Ngã Ba Xe Tăng	Đường HCT 3	308	246	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
27	Đường ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13)	Giáp ranh xã Minh Đức	252	202	141
28	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường ALT 1	308	246	172
29	Đường Ngô Quyền	Ngã ba đường ALT 1	Đường Trừ Văn Thố	308	246	172
30	Đường Ngô Quyền	Đường Trừ Văn Thố	Đường Hàm Nghi	308	246	172
31	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Đường Phan Bội Châu	308	246	172
32	Đường Ngô Quyền	Đường Phan Bội Châu	Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45	280	224	157
33	Đường Ngô Quyền	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Ngọc Thạch	280	224	157
34	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	308	246	172
35	Đường Trừ Văn Thố	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	308	246	172
36	Đường Trần Phú	Đường Phan Bội Châu	Đường Bùi Thị Xuân	308	246	172
37	Đường Trần Phú	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	308	246	172
38	Đường Hàm Nghi	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Phú	308	246	172
39	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Phú	Đường Lê Quý Đôn	308	246	172
40	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Trừ Văn Thố	308	246	172
41	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Trần Hưng Đạo	308	246	172
42	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hàm Nghi	308	246	172
43	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	308	246	172
44	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Cuối đường (giáp suối)	308	246	172
45	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	308	246	172
46	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	308	246	172
47	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	308	246	172
48	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thái Học	308	246	172
49	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Trỗi	280	224	157
50	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	308	246	172
51	Đường Tú Xương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	308	246	172
52	Đường ALT 1	Đường Ngô Quyền	Đường ALT 3	308	246	172
53	Đường ALT 1	Đường ALT 3	Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	308	246	172
54	Đường ALT 1	Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	Cầu cây Sung	308	246	172
55	Đường ALT 2	Đường ĐT 752	Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi)	308	246	172
56	Đường ALT 3	Đường ĐT 752	Đường ALT 1	308	246	172
57	Đường ALT 4	Ngã Ba Xe Tăng	Giáp ranh xã Minh Đức	308	246	172
58	Đường ALT 5	Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường An Lộc	308	246	172
59	Đường ALT 5	Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa	308	246	172

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đất số 57, tờ bản đồ số 112)	đất số 68, tờ bản đồ số 111)			
60	Đường ALT 5	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111)	308	246	172
61	Đường ALT 6	Đường ALT 1	Đường ALT 5	308	246	172
62	Đường ALT 7	Đường ALT 1 (từ thửa đất số 280 và thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)	Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109	308	246	172
63	Đường ALT 7	Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109	Đường ALT 3	308	246	172
64	Đường ALT 8	Đường ALT 3	Đường ALT 7	308	246	172
65	Đường ALT 9	Đường ALT 7	Đường ALT 7	308	246	172
66	Đường ALT 10	Đường ALT 11	Đường ALT 3	308	246	172
67	Đường ALT 11	Đường ALT 15	Đường ALT 1	308	246	172
68	Đường ALT 12	Đường ALT 1	Đường ALT 14	308	246	172
69	Đường ALT 12	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 13	308	246	172
70	Đường ALT 13	Đường ALT 2	Đường Phan Bội Châu	308	246	172
71	Đường ALT 14	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 1	308	246	172
72	Đường ALT 15	Đường ALT2	Đường ĐT752	308	246	172
73	Đường ALT 16	Đường ALT 3	Đường ALT 2	308	246	172
74	Đường ALT 16	Đường ALT 3	ALT19	308	246	172
75	Đường ALT 17	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	308	246	172
76	Đường ALT 18	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	308	246	172
77	Đường ALT 19	Ngã ba đường ALT 4	Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109	308	246	172
78	Đường ALT 19	Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109	Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108	308	246	172
79	Đường ALT 20	Đường ALT 4	Đường ALT 19	308	246	172
80	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	280	224	157
81	Đường Quốc lộ 13	Đường Lê Đại Hành	Đường Lương Thế Vinh	280	224	157
82	Đường Quốc lộ 13	Đường Lương Thế Vinh	Đường HCT 5	280	224	157
83	Đường Quốc lộ 13	Đường HCT 5	Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	280	224	157
84	Đường Quốc lộ 13	Cống ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai	280	224	157
85	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	280	224	157
86	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Khải	280	224	157
87	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Hết đất Kho vật tư cũ	280	224	157

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	280	224	157
89	Đường Trần Quang Khải	Đường ĐT 752	Đường HCT 7	280	224	157
90	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 7	Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long)	280	224	157
91	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phở Duy)	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	280	224	157
92	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	Cuối đường	280	224	157
93	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Trung Trực	280	224	157
94	Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ)	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam)	Đường Cao Bá Quát	280	224	157
95	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	280	224	157
96	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	280	224	157
97	Đường HCT 1	Đường ĐT 752	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	280	224	157
98	Đường HCT 1	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	Đường Trần Quang Khải	280	224	157
99	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường ĐT 752	Đường HCT 4	280	224	157
100	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường HCT 4	Giáp ranh xã Minh Đức	280	224	157
101	Đường HCT 4	Đường Cao Bá Quát	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh	280	224	157
102	Đường HCT 4	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh	Đường HCT 3	280	224	157
103	Đường HCT 5	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	280	224	157
104	Đường HCT 6	Đường Đoàn Thị Điểm	Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29	280	224	157
105	Đường HCT 7 (Nhánh)	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Quang Khải	280	224	157
106	Đường HCT 7	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới)	280	224	157
107	Đường HCT 8	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Đường HCT 3	280	224	157
108	Đường HCT 8	Đường ĐT 752	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	280	224	157
109	Đường HCT 9	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	280	224	157
110	Đường HCT 10	Đường ĐT 752	Đường HCT 12	280	224	157
111	Đường HCT 11	Đường HCT 9	Đường HCT 10	280	224	157
112	Đường HCT 12	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	280	224	157
113	Đường HCT 13	Đường HCT 1	Đường HCT 15	280	224	157
114	Đường HCT 14	Đường HCT 13	Hết tuyến	280	224	157
115	Đường HCT 15	Đường HCT 1	Đường HCT 8	280	224	157

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
116	Đường HCT 16	Đường HCT 1	Hết tuyến	280	224	157
117	Đường HCT 17	Đường HCT 1	Hết tuyến	280	224	157
118	Đường HCT 18	Đường ĐT 752	Đường HCT 19	280	224	157
119	Đường HCT 19	Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến)	Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	280	224	157
120	Đường HCT 19 nối dài	Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3	280	224	157
121	Đường HCT 20	Đường HCT 19	Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức)	280	224	157
122	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su)	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	280	224	157
123	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Đường HCT 22	280	224	157
124	Đường HCT 22	Đường HCT 1	Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức)	280	224	157
125	Đường HCT 23	Đường HCT 21	Đường HCT 25	280	224	157
126	Đường HCT 24	Đường HCT 21	Đường HCT 4	280	224	157
127	Đường HCT 25	Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát)	Cuối đường	280	224	157
128	Đường HCT 26	HCT 23	HCT 27	280	224	157
129	Đường HCT 27	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường HCT21	280	224	157
130	Đường HCT 27	Đường HCT 21	Cuối đường Lê Đại Hành	280	224	157
131	Đường HCT 28	Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15)	Đường HCT 7 (thửa đất số 06, tờ bản đồ số 14)	280	224	157
132	Đường HCT 29	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15)	280	224	157
133	Đường ALT 4	Ngã ba xe tăng	Cột mốc 2 mặt (ranh phường An Lộc và phường Hưng Chiến)	280	224	157
134	Đường PĐT 9	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 7 (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới)	280	224	157
135	Đường ALT 22	Ngã ba đường HCT 19	Hết tuyến	280	224	157
136	Đường ALT 23	Đường ALT 4	Đường ALT 22	280	224	157
137	Đường nhựa	Đường HCT 1	Đường HCT 21	280	224	157
138	Đường ĐT 758	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 3	Giáp ranh xã Tân Lợi	280	224	157
139	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	280	224	157
140	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	280	224	157
141	Đường Nguyễn Du (Tây đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	280	224	157
142	Đường Nguyễn Du (Đông đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	280	224	157
143	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Phan Bội Châu	Cuối đường	280	224	157
144	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	280	224	157

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
145	Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Lê Đại Hành	280	224	157
146	Đường bê tông (dọc theo đường rày xe lửa)	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 9	280	224	157
147	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường PĐT2	280	224	157
148	Đường PĐT 1	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Ba Kiềm	280	224	157
149	Đường PĐT 2	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp ranh xã Tân Quan	280	224	157
150	Đường PĐT 3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Suối Cầu đỏ (Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 83)	280	224	157
151	Đường PĐT 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	280	224	157
152	Đường PĐT 5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường PĐT 4	280	224	157
153	Đường PĐT 6	Đường PĐT 5	Giáp suối Cầu Đỏ	280	224	157
154	Đường PĐT 7	Đường PĐT 2	Cuối đường	280	224	157
155	Đường PĐT 8	Đường PĐT 9	Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân Quan)	280	224	157
156	Đường PĐT 9	Đường PĐT 2	Cuối đường - Giáp ranh đất lô cao su	280	224	157
157	Đường PĐT 10	Đường PĐT 1	Cuối đường (Mương)	280	224	157
158	Đường PĐT 11	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	280	224	157
159	Đường PĐT 11	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 12	280	224	157
160	Đường PĐT 12	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 9	280	224	157
161	Đường PĐT 13	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	280	224	157
162	Đường PĐT 14	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	280	224	157
163	Đường PĐT 13, 14 nối dài	Cầu Ba Kiềm	Đường PĐT 9	280	224	157
164	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	280	224	157
165	Đường Đinh Công Tráng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	280	224	157
166	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	280	224	157
167	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 12	280	224	157
168	Đường bê tông	Đường Trần Hưng Đạo	Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134	252	202	141
169	Đường liên xã	Ngã ba Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan	252	202	141
170	Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sở Nhì	Đường Quốc lộ 13	HCT 5	252	202	141
171	Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm)	Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới)	Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105)	252	202	141
172	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			252	202	141
173	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			252	202	141

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
174	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			252	202	141
175	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47) có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			252	202	141
176	Các đường nội bộ trong khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An thuộc bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 156, 157, 158, 160, 161, 162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá			280	224	157
177	Các đường nội bộ trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc bản đồ chính quy số: 80, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 118, 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá.			280	224	157
178	Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt đường rộng dưới 3m theo bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 117, 156, 157, 158, 160 đến 163, 168, 169, 172 đến 182 thuộc các khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An.			280	224	157
179	Các thửa đất tiếp giáp đường theo bản đồ chính quy có mặt đường rộng dưới 3m và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc các tờ bản đồ số: 80, 107 đến 112, 114 đến 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171.			280	224	157
180	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 07m đến 10m			252	202	141
181	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m			252	202	141
182	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su			252	202	141
183	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 6m - 10m			252	202	141
184	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			252	202	141
185	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 7 có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			252	202	141
186	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có mặt đường hiện hữu dưới 3m			252	202	141
187	Các tuyến đường còn lại thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77			252	202	141
188	Đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) từ 3m trở lên	Toàn tuyến		112	90	63
189	Các tuyến đường thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 còn lại	Toàn tuyến		112	90	63

62. Phường An Lộc

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	490	392	274
2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Xuân Hương	490	392	274
3	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	490	392	274
4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	Đường Nguyễn Thái Học	490	392	274
5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	280	224	157
6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hai Bà Trưng	280	224	157
7	Đường ĐT 758	Đường Hai Bà Trưng	Ranh giới xã Tân Lợi	490	392	274
8	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	280	224	157
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nơ Trang Long	280	224	157
10	Đường Nguyễn Du	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	280	224	157
11	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	280	224	157
12	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	280	224	157
13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Chu Văn An	280	224	157
14	Đường Nơ Trang Long	Đường ray xe lửa	Đường Nguyễn Thái Học	280	224	157
15	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	280	224	157
16	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Đường ray xe lửa	280	224	157
17	Đường Bà Triệu	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	280	224	157
18	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	280	224	157
19	Đường Hai Bà Trưng	Đường Bà Triệu	Cầu Ba Tặng	280	224	157
20	Đường Hai Bà Trưng	Cầu Ba Tặng	Đường Nguyễn Thái Học	280	224	157
21	Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	280	224	157
22	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Huệ	Đường TPT 18	280	224	157
23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường TPT 18	Đường Hai Bà Trưng	280	224	157
24	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Ranh xã Tân Quan	280	224	157
25	Đường PTT 5	Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 6	Suối	280	224	157
26	Đường PTT 7	Giáp lô cao su Nhà Nước	Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07	280	224	157
27	Đường PTT 8	Đường ĐT 758	Đường PTT 7	280	224	157
28	Đường PTT 9	Đường ĐT 758	Cuối đường	280	224	157
29	Đường PTT 10	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	280	224	157
30	Đường PTT 11	Đường Nơ Trang Long	Nguyễn Du	280	224	157

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Đường PTT 22 (Nguyễn Thái Học nối dài)	Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 2 (Ngã ba ông Dân)	Ngã ba cuối đất nhà bà Long	280	224	157
32	Đường tổ 2 KP Phú Xuân	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	252	202	141
33	Đường bê tông nằm trên ray xe lửa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường PTT 4	252	202	141
34	Đường bê tông	Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 5)	Đường ray xe lửa	252	202	141
35	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 3	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật	420	336	235
36	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà ông Tuyến Nhật	Đường TLT 18	490	392	274
37	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 18	Đường TLT 15	490	392	274
38	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 15	Đường vào nhà máy xi măng	490	392	274
39	Đường Quốc lộ 13	Đường vào nhà máy xi măng	Giáp ranh xã Lộc Thành	490	392	274
40	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	420	336	235
41	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sóc Bế (đường TP T1)	Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú	420	336	235
42	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Cây xăng Thạnh Phú	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam	420	336	235
43	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam	Đường TLT 3	420	336	235
44	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Toàn tuyến		420	336	235
45	Đường ĐT 757	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Tân Hưng	420	336	235
46	Đường bao quanh chợ	Toàn tuyến		420	336	235
47	Đường vào nhà máy xi măng	Đường Quốc lộ 13	Suối	252	202	141
48	Đường vào nhà máy xi măng	Suối	Cuối đường đã thảm nhựa	252	202	141
49	Khu dân cư Khang Minh Quân	Các tuyến đường trong khu dân cư (Đường trục chính trừ tuyến Đường vào nhà máy xi măng)		330	264	185
50	Khu dân cư Khang Minh Quân	Các tuyến đường trong khu dân cư Khang Minh Quân (đường còn lại)		330	264	185
51	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính)		330	264	185
52	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại)		330	264	185
53	Đường TPT 1	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 4	252	202	141
54	Đường TPT 1	Đường TPT 4	TLT 21	252	202	141

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
55	Đường TPT 2	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Cuối đường nâng cấp mở rộng	252	202	141
56	Đường TPT 3	Cầu cây Sung	Đường TPT 27	252	202	141
57	Đường TPT 4	Đường TPT 1	Đường TPT 12	252	202	141
58	Đường TPT 4	Đường TPT 12	Hết tuyến	252	202	141
59	Đường TPT 5	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Hà	Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 03 thuộc tổ 6, khu phố Sóc Bưng	252	202	141
60	Đường TPT 6	Đường TPT 7	Đường TPT 4	252	202	141
61	Đường TPT 7	Đường TPT 8	Đường TPT 4	252	202	141
62	Đường TPT 8	Đường TPT 5	Đường TPT 12	252	202	141
63	Đường TPT 9	Đường ray xe lửa	Đường TPT 5	252	202	141
64	Đường TPT 10	Đường TPT 5	Đường TPT 8	252	202	141
65	Đường TPT 11	Đường TPT 4	Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22	252	202	141
66	Đường TPT 12	Đường TPT 1	Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đến nghĩa địa	252	202	141
67	Đường TPT 13	Đường TPT 4	Đường TPT 11	252	202	141
68	Đường TPT 14	Đường TPT 1	Đường TPT 15	252	202	141
69	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	252	202	141
70	Đường TPT 16	Đường TPT18 (chùa Chưởng Phước)	Lô cao su (nhà bà Vũ Thị Ngọ), đường TPT 20	252	202	141
71	Đường TPT 17	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	252	202	141
72	Đường TPT 18	Đường TPT 1	Đường Nguyễn Thái Học	252	202	141
73	Đường TPT 19	Đường TPT 16	Đường TPT 20	252	202	141
74	Đường TPT 20	Đường TPT 18	Đường TPT 22	252	202	141
75	Đường TPT 21	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 18	252	202	141
76	Đường TPT 23	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	252	202	141
77	Đường TPT 24	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 23	252	202	141
78	Đường TPT 25	Đường TPT 50	Đường TPT 26	252	202	141
79	Đường TPT 26	Đường Quốc lộ 13	Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm)	252	202	141
80	Đường TPT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 3	252	202	141
81	Đường TPT 28	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 27	252	202	141
82	Đường TPT 29	Đường Quốc lộ 13	Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc	252	202	141
83	Đường TPT 30	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 29	252	202	141
84	Đường TPT 31	Đường TPT 32	Đường TPT 30 (Suối)	252	202	141
85	Đường TPT 32	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 31	252	202	141
86	Đường TPT 32	Đường TPT 31	Đường TPT 30	252	202	141
87	Đường TPT 33	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 32	252	202	141
88	Đường TPT 34	Đường TPT 27	Đường TPT 35	252	202	141
89	Đường TPT 35	Đường TPT 34	Đường TPT 39 (Suối)	252	202	141
90	Đường TPT 36	Đường TPT 3	Đường TPT 35	252	202	141
91	Đường TPT 37	Đường TPT 1	Đường TPT 12	252	202	141
92	Đường TPT 38	Đường TPT 26	Đường TPT 48	252	202	141
93	Đường TPT 39	Đường TPT 35	Đường TPT 49	252	202	141
94	Đường TPT 40	Đường TPT 35	Đường TPT 2	252	202	141
95	Đường TPT 41	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 42	252	202	141
96	Đường TPT 42	Trường cấp 2	Lô cao su	252	202	141
97	Đường TPT 43	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	252	202	141
98	Đường TPT 44	Đường TPT 20	Đường TPT 19	252	202	141

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
99	Đường TPT 46	Đường TLT 34	Đường TPT 4 (dọc đường ray)	252	202	141
100	Đường TPT 47	Đường TLT 34	Đường TPT 4 (dọc đường ray)	252	202	141
101	Đường TPT 48	Đường TL T30	Đường TLT30	252	202	141
102	Đường TPT 49	Đập Suối Trâu (ranh phường An Lộc (cũ))	Đường TPT 2	252	202	141
103	Đường TPT 50	Đường TPT 48	Đường Quốc lộ 13	252	202	141
104	Đường TPT 51	Đường TPT 49	Đường TPT 39	252	202	141
105	Đường TPT 52	Đường TPT 40	Đường TPT 51	252	202	141
106	Đường TPT 53	Đường TPT 33	Đường TPT 29	252	202	141
107	Đường TLT 1	Đường TLT 2	Đường ĐT 757	252	202	141
108	Đường TLT 2	Đường Quốc lộ 13	Đường ray xe lửa	252	202	141
109	Đường TLT 2	Đường ray xe lửa	Đường TLT 34	252	202	141
110	Đường TLT 2	Đường TLT 34	Đường ĐT 757	252	202	141
111	Đường TLT 3	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 20	252	202	141
112	Đường TLT 3	Đường TLT 20	Đường TLT 21	252	202	141
113	Đường TLT 3	Đường TLT 21	Xóm (đường TPT 1)	252	202	141
114	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	252	202	141
115	Đường TLT 5	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 29	252	202	141
116	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng)	252	202	141
117	Đường TLT 6	Đường Quốc lộ 13	Đường ĐT 757	252	202	141
118	Đường TLT 7	Suối Cần Lê	Đường TLT 6	252	202	141
119	Đường TLT 8	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10	Đường TLT 6	252	202	141
120	Đường TLT 9	Đường TLT 6	Đường TLT 10	252	202	141
121	Đường TLT 10	Đường TLT 6	Đường TLT 11	252	202	141
122	Đường TLT 11	Đường TLT 1	Đường ray xe lửa	252	202	141
123	Đường TLT 12	Đường ĐT 757	Đường TLT 13	252	202	141
124	Đường TLT 13	Đường TLT 15	Đường TLT 1	252	202	141
125	Đường TLT 14	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 12	252	202	141
126	Đường TLT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 13	252	202	141
127	Đường TLT 15	Đường TLT 13	Đường TLT 2	252	202	141
128	Đường TLT 16	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	252	202	141
129	Đường TLT 16	Đường TLT 17	Đường TLT 40	252	202	141
130	Đường TLT 17	Đường TLT 16	Đường TLT 18	252	202	141
131	Đường TLT 18	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	252	202	141
132	Đường TLT 19	Đường Quốc lộ 13 (chợ)	Đường TLT 2	252	202	141
133	Đường TLT 20	Đường TLT 2	Đường TLT 3	252	202	141
134	Đường TLT 21	Đường TLT 20	Đường TLT 3	252	202	141
135	Đường TLT 22	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 23	252	202	141
136	Đường TLT 22	Đường TLT 23	Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47)	252	202	141
137	Đường TLT 23	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 22	252	202	141
138	Đường TLT 24	Đường TLT 23	Đường TLT 22	252	202	141
139	Đường TLT 25	Đường TLT 22	Đường TLT 24	252	202	141
140	Đường TLT 26	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường TLT 5	252	202	141
141	Đường TLT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 28	252	202	141
142	Đường TLT 27	Đường TLT 28	Đường TLT 43	252	202	141
143	Đường TLT 27	Đường TLT 43	Đường TLT 5	252	202	141

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
144	Đường TLT 28	Đường TLT 27	Đường TLT 5	252	202	141
145	Đường TLT 29	Đường TLT 5	Đường TLT 31	252	202	141
146	Đường TLT 30	Đường TLT 5	Đường TLT 5	252	202	141
147	Đường TLT 31	Đường TLT 5	Đường TLT 29	252	202	141
148	Đường TLT 32	Đường TLT 31	Đường TLT 31	252	202	141
149	Đường TLT 33	Đường TLT 2	Đường TLT 2	252	202	141
150	Đường TLT 34	Đường TLT 2	Đường TPT 5	252	202	141
151	Đường TLT 35	Đường TLT 34	Đường TLT 39	252	202	141
152	Đường TLT 36	Đường TLT 2	Đường TPT 4	252	202	141
153	Đường TLT 37	Đường TLT 2	Đường TPT 5	252	202	141
154	Đường TLT 38	Đường TLT 37	Cuối tuyến	252	202	141
155	Đường TLT 39	Đường TLT 2	Đường TLT 37	252	202	141
156	Đường TLT 40	Đường TLT 2	Đường TLT 16	252	202	141
157	Đường TLT 41	Đường ĐT 757	Đường TLT 6	252	202	141
158	Đường TLT 42	Đường TLT 22	Đường TLT 29	252	202	141
159	Đường TLT 43	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	252	202	141
160	Đường TLT 45	Đường TLT 46	Đường TPT 2	252	202	141
161	Đường TLT 46	Đường TLT 29	Khu bãi rác QH (đường TLT 64)	252	202	141
162	Đường TLT 47	Đường TLT 5	Đường TLT 46	252	202	141
163	Đường TLT 49	Đường TLT 73	Đường TLT 51	252	202	141
164	Đường TLT 50	Đường TLT 46	Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú	252	202	141
165	Đường TLT 51	Đường TLT 31	Đường TLT 49 (nông trường cao su)	252	202	141
166	Đường TLT 52	Đường TLT 36	Suối Tà Nùng	252	202	141
167	Đường TLT 53	Đường TLT 2	Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 04	252	202	141
168	Đường TLT 54	Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67)	Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60)	252	202	141
169	Đường TLT 55	Đường TLT 46	Ranh xã Minh Đức	252	202	141
170	Đường TLT 56	Đường TLT 55	Đường TLT 57	252	202	141
171	Đường TLT 57	Đường TLT 55	Ranh xã Lộc Thành	252	202	141
172	Đường TLT 58	Đường TLT 55 lô cao su	Đường TLT 59	252	202	141
173	Đường TLT 59	Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 41)	Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản đồ số 41)	252	202	141
174	Đường TLT 60	Đường TLT 55	Đường TLT 57	252	202	141
175	Đường TLT 64	Đường Nhà máy xi măng	Hết tuyến (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	252	202	141
176	Đường TLT 65	Đường TLT 55	Ranh xã Lộc Thành	252	202	141
177	Đường TLT 66	Đường băng tải	Hết tuyến (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 72)	252	202	141
178	Đường TLT 67	Đường TLT 55	Ranh xã Thanh Phú (cũ), (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 38)	252	202	141
179	Đường TLT 68	Đường TLT 67	Đường TLT 45	252	202	141
180	Đường TLT 69	Đường TLT 5	Đường TLT 27	252	202	141
181	Đường TLT 70	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 44	252	202	141
182	Đường TLT 71	Đường TLT 24	Hết thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48	252	202	141

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
183	Đường TLT 73	Đường TLT 32	Đường TPT 2	252	202	141
184	Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên			252	202	141
185	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m			252	202	141
186	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su			252	202	141
187	Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy)			210	168	118
188	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ số 6, 7, 12, 13, 19, 26, 27, 33			210	168	118
189	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ còn lại			210	168	118
190	Các tuyến đường còn lại			210	168	118

63. Phường Phước Bình

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ)	Đường Trường Chinh (hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và Quảng trường 6-1)	420	336	269
2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trường Chinh (từ ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 36 và Quảng trường 6-1)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	420	336	269
3	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 tháng 2 (từ ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	420	336	269
4	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã ba vòng xoay Phước Bình (từ ranh thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 140)	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	420	336	269
5	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (từ ranh thửa đất số 240, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 140)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	420	336	269
6	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (từ ranh thửa đất số 154, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 271, tờ bản đồ số 114)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 118)	420	336	269
7	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (từ ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 118)	Giáp ranh xã Bình Tân	420	336	269
8	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53)	420	336	269
9	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đinh Văn Chất và đường bê tông (từ ranh thửa đất	Đường Đoàn Như Hài và đường bê tông (hết ranh thửa đất số	420	336	269

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52)	140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)			
10	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đoàn Nhữ Hài và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 49); không bao gồm thửa đất số 139, tờ bản đồ số 11	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	420	336	269
11	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (từ ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 108, tờ bản đồ số 28)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20)	420	336	269
12	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75))	224	179	143
13	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Ngã ba đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kia (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54))	Giáp ranh xã Đa Kia (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54)	224	179	143
14	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1)	Ngã ba giao với ĐT 759	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	140	112	90
15	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2)	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào	140	112	90
16	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt	140	112	90
17	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		140	112	90

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	294	235	188
19	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (từ ranh thửa đất số 682, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 110)	Ngã ba giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã ba giao đường Độc Lập - Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)	294	235	188
20	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Độc Lập	Đường Lý Thường Kiệt	294	235	188
21	Đường Lương Định Của	Toàn tuyến		294	235	188
22	Đường Phan Huy Ích	Toàn tuyến		294	235	188
23	Đường Nguyễn Kim	Toàn tuyến		294	235	188
24	Đường Đinh Văn Chất	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	294	235	188
25	Đường Đinh Văn Chất	Ngã ba đường Phan Bá Vành (Từ ranh thửa đất số 164, 186, tờ bản đồ số 50)	Đường Phạm Hùng	294	235	188
26	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	294	235	188
27	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	294	235	188
28	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Điểu Ong	Đường Trường Chinh	294	235	188
29	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	294	235	188
30	Đường Đoàn Đức Thái	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nơ Trang Long	294	235	188
31	Đường Điểu Ong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	294	235	188
32	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188
33	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	294	235	188
34	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188
35	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	Đường Lê Anh Xuân	294	235	188
36	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Lý Thường Kiệt	294	235	188
37	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	294	235	188
38	Đường Lê Duẩn	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
39	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Trường Chinh	294	235	188
40	Đường Lê Anh Xuân	Đường Trường Chinh	Đường Độc Lập	294	235	188
41	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188
42	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	294	235	188
43	Đường Bế Văn Đàn	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	294	235	188
44	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	294	235	188
45	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba đường Lý Thường Kiệt - Võ Văn Kiệt (Từ ranh thửa đất 72, tờ bản đồ số 7)	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7)	294	235	188
46	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã tư đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101)	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	224	179	143
47	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Đường Lý Tự Trọng	224	179	143
48	Đường Phan Đình Giót	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	294	235	188
49	Đường Mai Chí Thọ	Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan	294	235	188
50	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
51	Đường Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Lê Duẩn - Mai Chí Thọ	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ	294	235	188
52	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Võ Văn Kiệt	Giáp đường Phạm Hùng	294	235	188
53	Đường Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
54	Đường Nguyễn Duy Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
55	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
56	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		294	235	188
57	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
58	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Văn Linh	294	235	188
59	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
60	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	294	235	188
61	Đường Tố Hữu	Đường Phạm Hùng	Đường Độc Lập	294	235	188

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
62	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		294	235	188
63	Đường Bùi Văn Dù	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	294	235	188
64	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	294	235	188
65	Đường Hoài Thanh	Toàn tuyến		294	235	188
66	Đường Nguyễn Văn Siêu	Toàn tuyến		294	235	188
67	Đường Nguyễn Huy Tự	Toàn tuyến		294	235	188
68	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		294	235	188
69	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố 4 và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố 3)	294	235	188
70	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (từ ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 42; khu phố 10)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố 10)	294	235	188
71	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (từ ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 39; khu phố 10)	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố 10)	294	235	188
72	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (từ ranh thửa đất số 421, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38; khu phố 10)	Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố 10)	294	235	188
73	Đường Hàn Thuyên	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	294	235	188
74	Đường Lê Văn Ngôn	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	294	235	188
75	Đường Lê Văn Hưu	Toàn tuyến		294	235	188
76	Đường Nguyễn Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	294	235	188
77	Đường Đoàn Nhữ Hài	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	294	235	188
78	Đường Lê Quát	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	294	235	188

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
79	Đường Đặng Tất	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	294	235	188
80	Đường Đặng Trần Côn	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188
81	Đường Hồ Văn Huê	Đường Đặng Trần Côn	Đường Hoàng Lệ Kha	294	235	188
82	Đường Nguyễn Nghiêm	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	294	235	188
83	Đường Lương Khánh Thiện	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	294	235	188
84	Đường Hoàng Lệ Kha	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	294	235	188
85	Đường Phan Bá Vành	Đường Lương Khánh Thiện	Đường Đinh Văn Chất	294	235	188
86	Đường Liên Khu 8, khu 9 và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10 (Khu phố 8)	Ngã ba đường Tú Xương và đường Liên khu 8, 9	Hết ranh thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 (Khu phố 8)	294	235	188
87	Đường Liên Khu 8, khu 9	Ngã ba đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28)	Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lệ Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28)	294	235	188
88	Đường Tú Xương	Đường 3 tháng 2	Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759)	294	235	188
89	Các đường nội ô Khu phố 9 (5 tuyến)	Đường 3 tháng 2	Đường Tú Xương	294	235	188
90	Đường Vườn Ươm khu phố 9	Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10)	Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10)	294	235	188
91	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã ba Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hồ Tùng Mậu	294	235	188
92	Đường Bom Bo	Toàn tuyến		294	235	188
93	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		294	235	188
94	Đường nội ô khu dân cư Thành Phương	Toàn tuyến		294	235	188
95	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		294	235	188
96	Đường Lý Tự Trọng	Ngã tư đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền 1)	294	235	188
97	Đường Lý Tự Trọng	Ranh khu phố Long Giang (thửa đất số 209 và thửa đất số 213, tờ bản đồ số 58)	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	224	179	143
98	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba Cà Kiêu (từ ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 55 và thửa đất số 323, tờ bản đồ số 56)	Ngã ba đường Lý Tự Trọng - Đường bê tông khu phố An Lương (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất	224	179	143

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)			
99	Đường Lý Tự Trọng	Ngã ba đường Lý Tự Trọng -Đường bê tông khu phố An Lương (từ ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Giáp ranh phường Phước Long	224	179	143
100	Đường Văn Cao	Đường Trần Quốc Thảo	Hết tuyến	294	235	188
101	Đường Nguyễn Phan Chánh	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
102	Đường Lê Quang Định	Đường Võ Trứ	Đường Hùng Vương	294	235	188
103	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Quốc Thảo	294	235	188
104	Đường Ngô Đức Kế	Đường Đào Nguyên Phổ	Hết tuyến	294	235	188
105	Đường Phan Khôi	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
106	Đường Đinh Lễ	ĐườngNguyễn Phan Chánh	Đường Lý Tự Trọng	294	235	188
107	Đường Đào Nguyên Phổ	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
108	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
109	Đường Nguyễn Thi	Đường Võ Trứ	Hết tuyến	294	235	188
110	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
111	Đường Đinh Công Tráng	Giáp đường Hùng Vương	Hết tuyến	294	235	188
112	Đường Võ Trứ	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	294	235	188
113	Đường Dương Đình Nghệ	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao	294	235	188
114	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã tư đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số 22)	Ngã ba đường đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50, cùng thuộc tờ bản đồ số 19)	294	235	188
115	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã ba đường Trần Quốc Thảo - Đường Dương Đình Nghệ (từ ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 2)	Đường Hùng Vương	294	235	188
116	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	294	235	188
117	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Đinh Lễ	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	294	235	188
118	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12	224	179	143

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81)			
119	Đường Châu Văn Liêm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	294	235	188
120	Đường Hoàng Cầm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	294	235	188
121	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố 3 và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	294	235	188
122	Đường Hồ Tùng Mậu	Từ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13, khu phố 3	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (Khu phố 3)	294	235	188
123	Đường Hồ Tùng Mậu	Từ thửa đất số 192 và thửa đất số 193, cùng thuộc tờ bản đồ số 13	Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16)	294	235	188
124	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Khuyến	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	294	235	188
125	Đường Ngô Thì Nhậm	Từ ranh thửa đất số 354 và thửa đất số 35, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16)	294	235	188
126	Đường Vũ Như Tô	Toàn tuyến		294	235	188
127	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		294	235	188
128	Đường Nguyễn Huy Lượng	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	294	235	188
129	Đường nhựa 1 (chưa có tên)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Độc Lập	294	235	188
130	Đường nhựa 2 (chưa có tên)	Đường Vũ Như Tô	Đường Lê Thị Riêng	294	235	188
131	Đường nhựa 3 (chưa có tên)	Đường Lê Văn Sỹ	Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới)	294	235	188
132	Đường nhựa 4 (chưa có tên)	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Bom Bo	294	235	188
133	Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến)	Đường Tô Hiệu	Đường Nguyễn Duy Trinh	294	235	188
134	Đường Nguyễn Thông	Đường Đặng Trần Côn	Đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188
135	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã ba đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40)	294	235	188
136	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến:	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết	294	235	188

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39)	ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)			
137	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (Từ ranh thửa đất số 86 và thửa đất số 141, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 09)	Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 08)	294	235	188
138	Các tuyến đường nội ô Khu phố 5	Toàn tuyến		231	185	148
139	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141)	Ngã tư đường Thích Quảng Đức	420	336	269
140	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Ngã tư đườngThích Quảng Đức	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	420	336	269
141	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (hết thửa đất số 83 và hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 120)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	420	336	269
142	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Đường Âu cơ (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	420	336	269
143	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Đường Phan Thế Hiển (thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	420	336	269
144	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Phan Thế Hiển (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	420	336	269
145	Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	Toàn tuyến		294	235	188
146	Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ)	Toàn tuyến		294	235	188
147	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba giáp đường Độc Lập	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	294	235	188
148	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Đoạn còn lại		294	235	188

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
149	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Giáp đường Thống Nhất	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	294	235	188
150	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	294	235	188
151	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125)	294	235	188
152	Đường Phan Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	294	235	188
153	Đường Phan Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130)	294	235	188
154	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	294	235	188
155	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	294	235	188
156	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	294	235	188
157	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Hết tuyến (thửa đất số 12 và thửa đất số 7, cùng thuộc tờ số 121)	294	235	188
158	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		294	235	188
159	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	224	179	143
160	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (thửa đất số 177 và thửa đất số	224	179	143

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)			
161	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Giáp đường Lý Tự Trọng	224	179	143
162	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương + 50 mét	224	179	143
163	Đường Hà Huy Tập	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương	224	179	143
164	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	224	179	143
165	Đường Đào Duy Từ	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	224	179	143
166	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Tôn Thất Đạm	224	179	143
167	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QH LKV4	224	179	143
168	Đường Võ Duy Dương	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Tăng Bạt Hổ	224	179	143
169	Đường Phan Văn Đạt	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Tăng Bạt Hổ	224	179	143
170	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	224	179	143
171	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QHLKV4	Đường Trần Khánh Dư	224	179	143
172	Đường Huyền Trân Công Chúa	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	224	179	143
173	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường QHLKV4	Đường Tôn Đức Thắng	224	179	143
174	Đường Lê Chân	Đường Bùi Đắc Tuyên	Hết tuyến	224	179	143
175	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đào Duy Từ	Hết tuyến	224	179	143
176	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Đào Duy Từ	Hết tuyến	224	179	143
177	Đường Tống Duy Tân	Đường QHLKV4	Hết tuyến	224	179	143
178	Đường Bùi Đắc Tuyên	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	224	179	143
179	Đường Lương Ngọc Quyến	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	224	179	143
180	Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		224	179	143
181	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	Toàn tuyến		224	179	143
182	Đường thuộc dự án Xây dựng, láng nhựa	Toàn tuyến		224	179	143

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)					
183	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759)	Toàn tuyến		224	179	143
184	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		196	157	125
185	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m	Toàn tuyến		196	157	125
186	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		196	157	125

64. Phường Phước Long

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Giáp đường Lê Văn Duyệt	420	336	269	
2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	420	336	269	
3	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Trụ sở UBND phường (cũ)	420	336	269	
4	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường 6/1	420	336	269	
5	Đường 6/1	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1)	Đường Đinh Tiên Hoàng	420	336	269	
6	Đường 6/1	Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng	Tượng đài Chiến thắng	294	235	188	
7	Đường 6/1	Tượng đài chiến thắng	Hết tuyến	294	235	188	
8	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường Nguyễn Tất Thành	Giao với đường 6/1	294	235	188	
9	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường 6/1	Giao với đường Lê Văn A	294	235	188	
10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A	Hết tuyến đường nhựa Khu phố Long Thủy 4	294	235	188	
11	Đường Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thái Tổ	294	235	188	
12	Đường Lê Hồng Phong (nối dài)	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03	294	235	188	
13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741)	Ngã ba giao đường Tàu Ô	294	235	188	
14	Đường Lê Hồng Phong	Ngã ba giao đường Tàu Ô	Cầu số 3	294	235	188	
15	Đường Lê Hồng Phong	Cầu số 3	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	294	235	188	
16	Đường Nguyễn Huệ	Tượng đài chiến thắng	Giáp đường Lê Văn Duyệt	294	235	188	
17	Đường Nguyễn Huệ	Giao đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
18	Đường Lê Văn A	Hết tuyến		294	235	188	
19	Đường Trần Quang Khải	Ngã ba đường 6/1	Đường Lê Văn Duyệt	294	235	188	
20	Đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt	Ngã ba đường Hồ Long Thủy	294	235	188	
21	Đường Cách mạng tháng 8	Tượng đài chiến thắng	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	294	235	188	
22	Đường Cách mạng tháng 8	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Hết tuyến	294	235	188	
23	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		294	235	188	
24	Đường Tự Do	Toàn tuyến		294	235	188	
25	Đường Hồ Long Thủy	Ngã tư giáp đường 6/1	Đường Hùng Vương	294	235	188	
26	Đường Hồ Long Thủy	Đường Hùng Vương	Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ	294	235	188	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
27	Đường Trần Quốc Toản	Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ	294	235	188	
28	Đường Trần Quốc Toản	Giao lộ đường Lê Văn Duyệt	Giao lộ đường Trần Quang Khải	294	235	188	
29	Đường Sư Vạn Hạnh	Toàn tuyến		294	235	188	
30	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
31	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Hồng Phong	Cầu An Lương	294	235	188	
32	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Lý Thái Tổ	294	235	188	
33	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lý Thái Tổ	Hết tuyến	294	235	188	
34	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Trần Quốc Toản	294	235	188	
35	Đường Hàm Nghi	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt	294	235	188	
36	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9	Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái	294	235	188	
37	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã ba đường Phạm Hồng Thái	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01	294	235	188	
38	Đường Nguyễn Văn Cừ	Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	294	235	188	
39	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Hàm Nghi	Đường Trần Hưng Đạo	294	235	188	
40	Đường Thanh Niên	Toàn tuyến		294	235	188	
41	Đường Phan Bội Châu	Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Xí	294	235	188	
42	Đường Kim Đồng	Đường Hồ Long Thuỷ	Đường Nguyễn Văn Giáp	294	235	188	
43	Đường Bà Triệu	Toàn tuyến		294	235	188	
44	Đường Cao Bá Quát	Toàn tuyến		294	235	188	
45	Đường Phan Đình Giót	Toàn tuyến		294	235	188	
46	Đường Hoàng Diệu	Toàn tuyến		294	235	188	
47	Đường Nguyễn Văn Giáp	Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy	Đường Nguyễn Xí	294	235	188	
48	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đường Nguyễn Xí	Hết tuyến đường nhựa	294	235	188	
49	Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi	Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải	Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	294	235	188	
50	Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m)	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Hết tuyến	294	235	188	
51	Đường vào sân vận động	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Ranh sân vận động	294	235	188	
52	Đường Hùng Vương	Từ đường Hồ Long Thủy	Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)	294	235	188	
53	Đường hẻm ra đường Trần Hưng	Toàn tuyến		294	235	188	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Đạo và đường Tự Do						
54	Đường Trần Quang Khải (nối dài)	Đường Hồ Long Thủy	Đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
55	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05)	294	235	188	
56	Đường Nguyễn Xí	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe)	294	235	188	
57	Đường Cù Chính Lan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đến hết tuyến	294	235	188	
58	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 6/1	Đến hết tuyến	294	235	188	
59	Đường nhựa bên hông sân vận động	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hồ Long Thủy	294	235	188	
60	Đường nhựa đấu nối ra đường bên hông sân vận động	Toàn tuyến		294	235	188	
61	Đường bên hông công an PCCC	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03	294	235	188	
62	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường 6/1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	294	235	188	
63	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)	294	235	188	
64	Đường Lê Quý Đôn	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường Đinh Công Trứ	294	235	188	
65	Đường nội ô chợ Phước Long	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	294	235	188	
66	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	294	235	188	
67	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	Cầu Suối Dung	294	235	188	
68	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Suối Dung (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 116)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	294	235	188	
69	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	294	235	188	
70	Đường Nguyễn Tất Thành	Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Cầu Thác Mẹ	294	235	188	
71	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Thác Mẹ	Giáp ranh xã Phú Nghĩa	294	235	188	
72	Đường Ngô Quyền	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Lê Quý Đôn	294	235	188	
73	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Hưng Đạo	294	235	188	
74	Đường Đinh Công Trứ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến nhựa hiện hữu (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và	294	235	188	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
			thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)				
75	Đường Yên Thế	Toàn tuyến		294	235	188	
76	Đường Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Đập tràn Thủy điện Thác Mơ	294	235	188	
77	Đường Nguyễn Văn Huyên	Giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Trần Hưng Đạo	294	235	188	
78	Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		294	235	188	
79	Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến)	Cầu Thác Mẹ	Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa)	294	235	188	
80	Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	294	235	188	
81	Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	294	235	188	
82	Đường Huỳnh Khương An	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết tuyến	294	235	188	
83	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Trọng Tấn	294	235	188	
84	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	294	235	188	
85	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57)	294	235	188	
86	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	294	235	188	
87	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	294	235	188	
88	Đường Bà Rá	Toàn tuyến		294	235	188	
89	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	294	235	188	
90	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	294	235	188	
91	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	294	235	188	
92	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386,	Ngã ba giao đường Âu Cơ	294	235	188	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
		cùng thuộc tờ bản đồ số 65)					
93	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường nhựa	294	235	188	
94	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba đường nhựa	Hết 02 nhánh đường nhựa	294	235	188	
95	Đường Hà Huy Tập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	294	235	188	
96	Đường Phan Đăng Lưu	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
97	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
98	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Phước Bình	294	235	188	
99	Đường Lạc Long Quân	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3)	Suối (Hết ranh thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66)	294	235	188	
100	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	294	235	188	
101	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Bùi Viện	Đường QH liên khu vực IV	294	235	188	
102	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	294	235	188	
103	Đường Lương Văn Can	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	294	235	188	
104	Đường Tàu Ô	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Bà Rá	294	235	188	
105	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	294	235	188	
106	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	294	235	188	
107	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	294	235	188	
108	Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		294	235	188	
109	Đường Thống Nhất	Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả	Đường bê tông (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	364	291	233	37
110	Đường Thống Nhất	Đường bê tông (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 103, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	364	291	233	37
111	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 56 và thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 109	Hết ranh chợ tạm và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	364	291	233	37
112	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 23 và thửa đất số 64, cùng thuộc tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	364	291	233	37

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
113	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 94 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 115	Giáp ranh xã Phú Trung	364	291	233	37
114	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên Phủ)	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	252	202	161	37
115	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba đường bê tông xi măng (thửa đất số 171 và thửa đất số 218, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	252	202	161	37
116	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Lòng Hồ Thác Mơ	252	202	161	37
117	Đường Mạc Đăng Dung	Giao Ngã ba giáp đường Thống Nhất	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	252	202	161	37
118	Đường Mạc Đăng Dung	Ngã ba đường bê tông, xi măng (thửa đất số 262 và thửa đất số 231, cùng thuộc tờ bản đồ số 92)	Giáp ranh xã Phú Trung	252	202	161	37
119	Đường Bạch Đằng	Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ	Giáp lòng hồ Thác Mơ	252	202	161	37
120	Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả	Đường Thống Nhất	Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85)	210	168	134	37
121	Đường Lam Sơn	Cầu số 4	Ngã ba giao đường Bà Rá	210	168	134	37
122	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		210	168	134	37
123	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường dưới 3,5m	Toàn tuyến		210	168	134	37
124	Các tuyến đường giao thông còn lại	Toàn tuyến		210	168	134	37

65. Xã Thuận lợi

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741)	Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành)	Giáp ranh phường Bình Phước	224	179	143	54
2	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành).	Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	224	179	143	54
3	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	224	179	143	54
4	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	224	179	143	54
5	Đường ĐT 741	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	- Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	210	168	134	64
6	Đường ĐT 741	- Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	- Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	210	168	134	64
7	Đường ĐT 741	- Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	210	168	134	64
8	Đường ĐT 741	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	210	168	134	64

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
		số 62, tờ bản đồ số 160					
9	Đường ĐT 758	Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741)	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	224	179	143	54
10	Đường ĐT 758	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14)	224	179	143	54
11	Đường ĐT 758	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa 458 ; Thửa 320, Tờ bản đồ số14)	Cầu Sông Bé	224	179	143	54
12	Đường giao thông giáp phường Bình Phước	Đầu đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn)	168	134	108	54
13	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		210	168	134	64
14	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200 m	Toàn tuyến		224	179	143	54
15	Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng	Đường ĐT 758	Giáp ranh xã Phú Riềng	210	168	134	64
16	Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Đường ĐT 758	Ngã tư Bảy Thạnh	168	134	108	54
17	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su)	Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ)	140	112	90	64
18	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	140	112	90	64
19	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm)	140	112	90	64
20	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến	Toàn tuyến		140	112	90	64
21	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 114	140	112	90	64
22	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 113	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 112	140	112	90	64
23	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111	140	112	90	64

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
24	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111	Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 117	140	112	90	64
25	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117	Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh)	140	112	90	64
26	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125	Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú)	140	112	90	64
27	Đường giao thông liên xã còn lại	Toàn tuyến		140	112	90	64
28	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông (trừ các tuyến đường đã có ở trên)	Toàn tuyến		98	78	63	63
29	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		98	78	63	63
30	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		98	78	63	63

66. Xã Tân Lợi

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 753	Giáp ranh xã Đồng Tâm	Cầu Cứ	252	202	161	54
2	Đường ĐT 753	Cầu Cứ	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	252	202	161	54
3	Đường ĐT 753	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	Giáp ranh Cầu Mã Đà	252	202	161	54
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Toàn tuyến		183	146	117	54
5	Đường ĐH Tân Hòa - Tân Lợi	Toàn tuyến		183	146	117	54
6	Đường tuyến số 3	Toàn tuyến		183	146	117	54
7	Đường tuyến số 4	Toàn tuyến		183	146	117	54
8	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		183	146	117	54
9	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		110	88	70	54
10	Đường Xuyên tâm	Toàn tuyến		183	146	117	54
11	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Giáp ranh xã Đồng Phú	Tiếp giáp Suối Rạch Bé	183	146	117	54
12	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Hết Thửa đất số 19 và 538, Tờ bản đồ số 23	183	146	117	54
13	Các tuyến đường giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường từ 5m trở lên	Toàn tuyến		183	146	117	54
14	Các tuyến đường giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường dưới 5m	Toàn tuyến		110	88	70	54
15	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông có đấu nối 2 điểm	Toàn tuyến		110	88	70	54
16	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông chỉ đấu nối 1 điểm	Toàn tuyến		110	88	70	54

67. Xã Đồng Tâm

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2)	Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)	252	202	161	64
2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 122)	252	202	161	64
3	Đường Quốc lộ 14	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	252	202	161	64
4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	252	202	161	64
5	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	252	202	161	47
6	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	252	202	161	47
7	Đường ĐT 753	Giáp ranh Phường Bình Phước		252	202	161	54
8	Đường ĐT 753	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45)		252	202	161	54
9	Đường ĐT 753B	Quốc lộ 14		252	202	161	47

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
10	Đường ĐT 753B	Đoạn còn lại		252	202	161	47
11	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 [đoạn từ giáp ranh phường Bình Phước (Cầu 2) đến hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14); hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		195	156	125	64
12	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường Quốc lộ 14 (đoạn còn lại) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		195	156	125	47
13	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		195	156	125	64
14	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đấu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m	Toàn tuyến		195	156	125	64
15	Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm	Toàn tuyến		195	156	125	47
16	Đường Lam Sơn - Tân Phước	Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 254)		195	156	125	47
17	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Quốc lộ 14		195	156	125	47
18	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Đoạn còn lại		195	156	125	47
19	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m	Toàn tuyến		195	156	125	54
20	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m	Toàn tuyến		195	156	125	54

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
21	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đấu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m	Toàn tuyến		195	156	125	54
22	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270		195	156	125	54
23	Đường giao thông liên xã còn lại	Toàn tuyến		195	156	125	64
24	Đường giao thông có hành lang lộ giới 14m trở lên tính từ tim đường	Toàn tuyến		195	156	125	54
25	Đường giao thông có hành lang lộ giới từ 10 - 14m tính từ tim đường	Toàn tuyến		195	156	125	54
26	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		113	90	72	47
27	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		113	90	72	47
28	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		113	90	72	47

68. Xã Đồng Phú

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	448	358	251	
2	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tổ 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm	448	358	251	
3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm	Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	448	358	251	
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đầu ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trũng Đồng Ca)	448	358	251	
5	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tổ 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trũng Đồng Ca)	Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ)	448	358	251	
6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ)	Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222	252	202	161	
7	Đường ĐT 741	Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tổ 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222)	252	202	161	
8	Đường ĐT 741	Đường Tổ 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tổ 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)	252	202	161	
9	Đường ĐT 741	Đường Tổ 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224)	Đường Tổ 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224)	252	202	161	
10	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tổ 18 (Thửa đất số 275, Tờ bản đồ số 224)	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	252	202	161	
11	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234) Đường Tổ 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234)	252	202	161	54

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
12	Đường ĐT 741	Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234)	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243)	252	202	161	54
13	Đường ĐT 741	Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242)	Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	252	202	161	54
14	Đường ĐT 741	Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	252	202	161	54
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		266	213	170	
16	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		266	213	170	
17	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		266	213	170	
18	Đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		266	213	170	
19	Đường Phú Riềng Đỏ	Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ)	448	358	215	
20	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tổ 29 (Tân Phú cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	448	358	215	
21	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Âu Cơ	448	358	215	
22	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	448	358	215	
23	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	448	358	215	
24	Đường Lý Nam Đế	Toàn tuyến		266	213	170	
25	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	266	213	170	
26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741)	266	213	170	
27	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
28	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riềng Đỏ	266	213	170	
29	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	266	213	170	
30	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
31	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	266	213	170	
32	Đường Trường Chinh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	266	213	170	
33	Đường Lê Duẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	266	213	170	
34	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	266	213	170	
35	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		266	213	170	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
36	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Hữu Thọ	266	213	170	
37	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nguyễn Văn Linh	266	213	170	
38	Đường Phạm Ngọc Thạch	Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riềng Đỏ	266	213	170	
39	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành	266	213	170	
40	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành	Cầu Bà Mụ	266	213	170	
41	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Ngọc Thạch	266	213	170	
42	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19	266	213	170	
43	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43	266	213	170	
44	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21	Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22	266	213	170	
45	Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi)	Đường Hùng Vương	Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37	266	213	170	
46	Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa)	Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33)	Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27)	224	179	143	
47	Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi)	Toàn tuyến		224	179	143	
48	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
49	Đường Lê Đại Hành	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
50	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Nhân Tông	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
51	Đường Ngô Quyền	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
52	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
53	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
54	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Âu Cơ	266	213	170	
55	Đường Âu Cơ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
56	Đường Điện Biên Phủ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	266	213	170	
57	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	266	213	170	
58	Đường Hải Thượng Lãn Ông	ĐườngLê Đại Hành	Đường Nguyễn Trãi	266	213	170	
59	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	266	213	170	
60	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền	266	213	170	
61	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
62	Đường Nguyễn Du	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
63	Đường Chu Văn An	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
64	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	266	213	170	
65	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Toàn tuyến		266	213	170	
66	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		266	213	170	
67	Đường Lạc Long Quân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	266	213	170	
68	Đường Lạc Long Quân	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến (đảo yến Sơn Hà)	266	213	170	
69	Đường Lê Thái Tông	Toàn tuyến		266	213	170	
70	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		266	213	170	
71	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		266	213	170	
72	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		266	213	170	
73	Đường Bắc Nam 2	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp khu dân cư Thịnh Trí	266	213	170	
74	Đường Bắc Nam 3	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Hữu Thọ	266	213	170	
75	Đường Bắc Nam 4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	266	213	170	
76	Đường Bắc Nam 7	Đường Lạc Long Quân	Giáp ranh Thửa đất số 60, Tờ bản đồ số 18	266	213	170	
77	Đường Đông Tây 10	Đường Tổ 23 nối dài	Giáp ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 19	266	213	170	
78	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	266	213	170	
79	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Hết tuyến	266	213	170	
80	Các tuyến đường Tổ dấu nối đường Cách	Toàn tuyến		266	213	170	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Mạng Tháng Tám: Đường Tổ 7, 9, 11 (Tân Phú cũ)						
81	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại	Toàn tuyến		266	213	170	
82	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		266	213	170	
83	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		266	213	170	
84	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		266	213	170	
85	Các tuyến đường Tổ đấu nối đường Hùng Vương	Toàn tuyến		266	213	170	
86	Đường tuyến số 1	Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205	210	168	134	54
87	Đường tuyến số 2	Đường ĐT 741	Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	210	168	134	
88	Đường tuyến số 2	Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183	210	168	134	
89	Đường tuyến số 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	266	213	170	
90	Đường tuyến số 3	Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	266	213	170	
91	Đường tuyến số 3	Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ)	Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116)	210	168	134	
92	Đường tuyến số 3	Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136)	Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138)	210	168	134	
93	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường điện 500KV	266	213	170	
94	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi)	Đường điện 500KV	Giáp ranh xã Tân Lợi	266	213	170	
95	Đường tuyến số 4	Đoạn còn lại		210	168	134	
96	Đường tuyến số 5 (đường nhựa)	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199	210	168	134	54
97	Đường kết nối các khu công nghiệp	Giáp ranh phường Bình Phước	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	210	168	134	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ						
98	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ	Giáp ranh Tân Phú cũ	Giáp ranh xã Tân Lập cũ	210	168	134	
99	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147	210	168	134	54
100	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163	Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163	210	168	134	54
101	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162	Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162	210	168	134	54
102	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175	Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175	210	168	134	54
103	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205	210	168	134	54
104	Đường Tổ 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Tiếp giáp đường Phú Riềng Đỏ kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	90	72	58	54
105	Đường Tổ 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237	90	72	58	54
106	Đường Tổ 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Toàn tuyến		90	72	58	54
107	Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ	Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219)	Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135)	210	168	134	
108	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tổ 33 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 221);	Toàn tuyến		210	168	134	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	đường Tổ 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tổ 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m						
109	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tổ 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tổ 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tổ 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tổ 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		210	168	134	
110	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tổ 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tổ 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		210	168	134	
111	Đường giao thông nông thôn đấu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		210	168	134	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
112	Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76		210	168	134	
113	Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76		210	168	134	
114	Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập.	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư		210	168	134	
115	Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh)	Ranh thị trấn Tân Phú cũ	Đường Tổ 47, thôn Thái Dũng	210	168	134	
116	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ	Toàn tuyến		224	179	143	
117	Đường giao thông liên xã còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		90	72	58	54
118	Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		90	72	58	54
119	Đường giao thông liên thôn còn lại	Toàn tuyến		90	72	58	54
120	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		90	72	58	54

69. Xã Lộc Ninh

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Tấn Phát	420	336		
2	Đường Quốc lộ 13	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Bình	420	336		
3	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	420	336		
4	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng Tám	420	336		
5	Đường Quốc lộ 13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh xã Lộc Tấn	420	336		
6	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	168	134	108	44
7	Đường Quốc lộ 13	Giáp đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	168	134	108	44
8	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	168	134	108	44
9	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	168	134	108	44
10	Đường 7 tháng 4	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	266	213		
11	Đường 7 tháng 4	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Đường Hùng Vương	266	213		
12	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sơn Hà	266	213		
13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba Sơn Hà	Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10)	266	213		
14	Đường Điện Biên Phủ	Đường 7 tháng 4	Giáp cầu Ông Kỳ	266	213		
15	Đường Điện Biên Phủ	Giáp cầu Ông Kỳ	Đường Lê Lợi	266	213		
16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Lợi	Hết đường nhựa	266	213		
17	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	266	213		
18	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần Văn Trà	266	213		
19	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Văn Trà	Hết tuyến	266	213		
20	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 13	Đường 7 tháng 4	266	213		
21	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	266	213		
22	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	Đường Huỳnh Văn Nghệ	266	213		
23	Hẻm đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Hùng Vương	266	213		
24	Đường khu phố Ninh Thái	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái cũ	266	213		
25	Đường ven suối	Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới	Cầu ngập	266	213		
26	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		266	213		

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
27	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	266	213		
28	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Quốc lộ 13	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	266	213		
29	Đường Huỳnh Tấn Phát	Cổng sau nhà máy chế biến mủ	Đường Quốc lộ 13	266	213		
30	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Đồng Khởi	Đường Điện Biên Phủ	266	213		
31	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	266	213		
32	Đường Lê Lợi	Giáp xã Lộc Thuận cũ	Đường Nguyễn Trãi	266	213		
33	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	266	213		
34	Đường Lý Thái Tổ	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	266	213		
35	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nơ Trang Long	Ngã ba hố Bom Làng 10	266	213		
36	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba hố Bom Làng 10	Giáp ranh xã Lộc Tấn	266	213		
37	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	266	213		
38	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	266	213		
39	Đường Ngô Quyền	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	266	213		
40	Đường Nguyễn Bỉnh	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	266	213		
41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường 7 tháng 4	Đường Huỳnh Tấn Phát	266	213		
42	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu ngập	Đường Trần Hưng Đạo	266	213		
43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	266	213		
44	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Giáp hẻm số 39	266	213		
45	Đường Nguyễn Du	Giáp hẻm số 39	Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ	266	213		
46	Đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		266	213		
47	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Toàn tuyến		266	213		
48	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	266	213		
49	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nơ Trang Long	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	266	213		
50	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		266	213		
51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	266	213		
52	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	266	213		
53	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		266	213		
54	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		266	213		
55	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	266	213		

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
56	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thái Tổ	266	213		
57	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Du	266	213		
58	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Lộc Tấn	266	213		
59	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	266	213		
60	Đường Phan Bội Châu	Ngã tư Biên Phòng	Cầu ông Năm Tài	112	90		
61	Đường Phan Bội Châu	Cầu ông Năm Tài	Hết ranh đất lô Cao Su	112	90		
62	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	266	213		
63	Đường Phan Chu Trinh	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Đường Nguyễn Tất Thành	266	213		
64	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Văn Linh	266	213		
65	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Cuối đường	266	213		
66	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 7 tháng 4	Hết đất bà Thanh Tế	266	213		
67	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất bà Thanh Tế	Đường Quốc lộ 13	266	213		
68	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		266	213		
69	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		266	213		
70	Đường Trần Văn Trà	Toàn tuyến		266	213		
71	Đường Trương Công Định	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	266	213		
72	Đường kè suối cầu Lò Heo	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26	266	213		
73	Đường từ cầu Ông Kỳ đi cổng sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát	266	213		
74	Đường D1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Phú	266	213		
75	Đường Phan Châu Trinh	Ngã tư Biên Phòng	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	112	90		
76	Đường Phan Châu Trinh	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	112	90		
77	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba mới	Ngã ba cầu Đỏ	112	90		
78	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cầu Đỏ	Ngã ba cuối trường cấp III	112	90		
79	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cuối trường cấp III	Ranh xã Lộc Khánh cũ	112	90		
80	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Lân	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	112	90		
81	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Giáp đường liên xã	112	90		

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
82	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cũ (xóm bưng)	Cầu Đỏ	112	90		
83	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Cầu Đỏ	Đến ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng	112	90		
84	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Ngã ba Năm Bé	Nhà văn hóa ấp 3 (Cũ: Ngã ba Hai Thư) - Nhà văn hóa ấp 3 mới	112	90		
85	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Nhà văn hóa ấp 3 mới	Giáp ranh xã Lộc Tấn	112	90		
86	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Toàn tuyến		112	90		
87	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Giáp đường Quốc lộ 13	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	70	56	45	44
88	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Hết tuyến	70	56	45	44
89	Đường tránh Quốc lộ 13	Toàn tuyến		112	90		
90	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	112	90		
91	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	112	90		
92	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	112	90		
93	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	112	90		
94	Đường khu 1 - Đoạn 1	Thửa đất số 2	Thửa đất số 18	70	56	45	44
95	Đường khu 1 - Đoạn 2	Thửa đất số 3	Thửa đất số 19	70	56	45	44
96	Đường khu 2	Thửa đất số 21	Thửa đất số 29	70	56	45	44
97	Đường khu 3	Thửa đất số 30	Thửa đất số 43	70	56	45	44
98	Đường khu 4 - Đoạn 1	Thửa đất số 44	Thửa đất số 69	70	56	45	44
99	Đường khu 4 - Đoạn 2	Thửa đất số 45	Thửa đất số 68	70	56	45	44
100	Đường khu 5	Thửa đất số 70	Thửa đất số 81	70	56	45	44
101	Đường khu 6	Thửa đất số 82	Thửa đất số 106	70	56	45	44
102	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Cầu Bù Linh	105	84		
103	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba đội 2, Nông trường VII	Ngã ba đường liên xã Lộc Ninh - Lộc	105	84		

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
			Hưng tại thửa đất số 802, tờ bản đồ số 83				
104	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba Công an xã tại thửa 26 tờ bản 117	Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất số 352, tờ bản đồ 120	105	84		
105	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã tư đất công ty cao su tại thửa 41 tờ bản 78	Ngã ba Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83	105	84		
106	Đường kè suối Lộc Ninh	Cầu chế biến Lộc Ninh	Cầu đỏ xã Lộc Hưng	105	84		
107	Đường kè suối Cầu Mua	Cầu mua thôn Lộc Thái 3	Nhà ông Năng	105	84		
108	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			150	120		
109	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			150	120		
110	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường ≥ 3,5m			150	120		
111	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường < 3,5m không phân biệt bê tông hoặc đường đất			150	120		
112	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5 m trở lên			60	48	38	38
113	Các tuyến đường còn lại			60	48	38	38

70. Xã Lộc Thành

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	168	134	108	44
2	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	168	134	108	44
3	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	168	134	108	44
4	Đường ĐT 754	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Campuchia	168	134	108	44
5	Đường ĐT 754	Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	168	134	108	44
6	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thuộc địa bàn xã Lộc Thịnh (cũ)		168	134	108	44
7	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	140	112	90	44
8	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	140	112	90	44
9	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	140	112	90	44
10	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	112	90	72	44
11	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ)	Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh	Giáp ranh xã Lộc Thành	112	90	72	44
12	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	112	90	72	44
13	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	112	90	72	44
14	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	112	90	72	44
15	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Vương quốc Campuchia	112	90	72	44
16	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba cổng Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	112	90	72	44
17	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	105	84	67	44

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
18	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	105	84	67	44
19	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Hưng	105	84	67	44
20	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	105	84	67	44
21	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	105	84	67	44
22	Đường qua trung tâm xã Lộc Thành	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Nhà văn hóa ấp Kliêu	105	84	67	44
23	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp KLiêu	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	105	84	67	44
24	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5)	60	48	38	38
25	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Đập nước Tà Tê	60	48	38	38
26	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ	Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37	60	48	38	38
27	Đường liên ấp	Xưởng đũa Lộc Hà	Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2	60	48	38	38
28	Đường liên ấp Tà Tê 2	Đập nước Tà Tê 2	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	60	48	38	38
29	Đường liên ấp (đường cổng chào ấp Tân Bình 1)	Cổng chào ấp Tân Bình 1	Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh	60	48	38	38
30	Đường nhựa Tân Bình 1	Thửa số 05, tờ bản đồ số 10	Thửa số 24, tờ bản đồ số 10	60	48	38	38
31	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			60	48	38	38
32	Các tuyến đường còn lại			60	48	38	38

71. Xã Lộc Hưng

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	112	90	72	44
2	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	112	90	72	44
3	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	112	90	72	44
4	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	112	90	72	44
5	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ)	112	90	72	44
6	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Ngã ba ấp Sóc Lớn - Ba Ven	Cầu Ba Ven	112	90	72	44
7	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Cầu Ba Ven	Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	112	90	72	44
8	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền	Cầu Ông Đô	112	90	72	44
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Cầu Ông Đô	Ngã ba Trường tiểu học A (Đi ấp 8)	112	90	72	44
10	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều Lộc Thái	Nhà thờ Lộc Điền	112	90	72	44
11	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ)	Ngã ba nghĩa địa ấp 2 Lộc Điền	Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ)	112	90	72	44
12	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp Trường tiểu học A	Giáp ranh lô cao su	112	90	72	44
13	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp ranh lô cao su	Giáp xã Lộc Quang (cũ)	112	90	72	44
14	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	112	90	72	44
15	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20)	168	134	108	44
16	Đường Quốc lộ 13	Cây xăng Lộc Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	168	134	108	44
17	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	168	134	108	44
18	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	168	134	108	44
19	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Ngã ba Giáng Hương	Cống Bảy Phụng	112	90	72	44

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
20	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Cống Bảy Phụng	Giáp ranh xã Lộc Thành	112	90	72	44
21	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	112	90	72	44
22	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	112	90	72	44
23	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu Suối 1	112	90	72	44
24	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Suối 1	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	112	90	72	44
25	Đường tránh Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	112	90	72	44
26	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	112	90	72	44
27	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	112	90	72	44
28	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	112	90	72	44
29	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5 m trở lên			70	56	45	44
30	Các tuyến đường còn lại			70	56	45	44

72. Xã Lộc Tấn

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Phan Chu Trinh	Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ)		112	90	72	44
2	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	112	90	72	44
3	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	112	90	72	44
4	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116	112	90	72	44
5	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ)	Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	112	90	72	44
6	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	112	90	72	44
7	Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba hố Bom	Cổng chào K54	112	90	72	44
8	Đường ấp K54	Cổng chào K54	Nghĩa trang K54	98	78	63	44
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã tư Mũi Tôn	112	90	72	44
10	Đường nhựa	Ngã ba hố Bom	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94	98	78	63	44
11	Đường nhựa	Nhà ông Thái Tài	Nhà máy điều Hoàng Chuẩn	98	78	63	44
12	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thành	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	132	106	84	44
13	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	168	134	108	44
14	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	168	134	108	44
15	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Hết ranh xã Lộc Tấn	168	134	108	44
16	Đường đi Tà Nốt	Ngã tư Mũi Tôn	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	112	90	72	44
17	Đường đi Tà Nốt	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Hết tuyến	112	90	72	44
18	Đường nhựa	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105	Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99	98	78	63	44
19	Đường nhựa	Cống bản giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Cổng chào ấp 11A	98	78	63	44
20	Đường nhựa	Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 103	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102	98	78	63	44
21	Đường nhựa	Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84	Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84	98	78	63	44
22	Đường nhựa	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98	98	78	63	44
23	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	168	134	108	44

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
24	Đường Quốc lộ 13	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành	168	134	108	44
25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	168	134	108	44
26	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ)	168	134	108	44
27	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ)	168	134	108	44
28	Đường liên xã Lộc Tấn - Thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Nhà hàng Sơn Hà	Ngã ba hố bom làng 10	112	90	72	44
29	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Ngã ba nhà hát cũ	Cổng làng 9 Lộc Thạnh	112	90	72	44
30	Đường 13	Cầu suối 2	Đường tuần tra biên giới	112	90	72	44
31	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	112	90	72	44
32	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành	112	90	72	44
33	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	112	90	72	44
34	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	112	90	72	44
35	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			70	56	45	44
36	Các tuyến đường còn lại			70	56	45	44

73. Xã Lộc Thạnh

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Trạm kiểm soát Hoa Lư	140	112	90	44
2	Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	105	84	67	44
3	Đường nhựa	Ngã ba ấp 8A	Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	60	48	38	38
4	Đường nhựa	Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 7	60	48	38	38
5	Đường nhựa	Cổng chào Nhà văn hóa ấp Thạnh Trung	Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh	60	48	38	38
6	Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ)			105	84	67	44
7	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	105	84	67	44
8	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Ngã ba nhà Huyền Thông	Cổng chào ấp 6	105	84	67	44
9	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh	Cống làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tấn)	Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ))	105	84	67	44
10	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Trạm kiểm soát Hoa Lư	105	84	67	44
11	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Ngã ba Chiu Riu	Cầu suối 2	140	112	90	44
12	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Cầu suối 2	Giáp đường tuần tra biên giới	140	112	90	44
13	Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13)			60	48	38	38
14	Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13)			60	48	38	38
15	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			60	48	38	38
16	Các tuyến đường còn lại			60	48	38	38

74. Xã Lộc Quang

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 756	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	140	112	90	44
2	Đường ĐT 756	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	140	112	90	44
3	Đường ĐT 756	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	140	112	90	44
4	Đường ĐT 756	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	140	112	90	44
5	Đường ĐT 756	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	168	134	108	44
6	Đường ĐT 756	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	168	134	108	44
7	Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	105	84	67	44
8	Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai	Cổng chào Tân Hai	Giáp Đường ĐT 756	105	84	67	44
9	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60	112	90	72	44
10	Đường nhựa liên ấp Tân Hai	Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3	105	84	67	44
11	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7	105	84	67	44
12	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	105	84	67	44
13	Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69	60	48	38	38
14	Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67	60	48	38	38
15	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	168	134	108	44
16	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	168	134	108	44
17	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	168	134	108	44
18	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	168	134	108	44
19	Các tuyến đường nhựa trong khu quy	Toàn tuyến	Toàn tuyến	70	56	45	44

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	hoạch trung tâm cụm xã						
20	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	112	90	72	44
21	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24	112	90	72	44
22	Đường nhựa quanh hồ cầu trắng	Toàn tuyến	Toàn tuyến	70	56	45	44
23	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	112	90	72	44
24	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35	112	90	72	44
25	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	112	90	72	44
26	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63	112	90	72	44
27	Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn	Toàn tuyến	Toàn tuyến	70	56	45	44
28	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	112	90	72	44
29	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	112	90	72	44
30	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	112	90	72	44
31	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	112	90	72	44
32	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	105	84	67	44
33	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) .	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	105	84	67	44
34	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	105	84	67	44

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	phạm vi 200m (tính từ HLLG)						
35	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	105	84	67	44
36	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	112	90	72	44
37	Các tuyến đường đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	112	90	72	44
38	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51	112	90	72	44
39	Các tuyến đường nhựa còn lại từ 3m trở lên	Toàn tuyến	Toàn tuyến	70	56	45	44
40	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			60	48	60	48
41	Các tuyến đường còn lại			60	48	60	48

75. Xã Tân Khai

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long	Trạm thu phí	384	307	215	
2	Đường Quốc lộ 13	Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	384	307	215	
3	Đường Quốc lộ 13	Điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	384	307	215	
4	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng	384	307	215	
5	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	216	173	138	
6	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15	216	173	138	
7	Đường Trục Chính Bắc Nam	Đoạn còn lại		216	173	138	
8	Đường Bắc Nam 1	Toàn tuyến		216	173	138	
9	Đường Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		216	173	138	
10	Đường Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		216	173	138	
11	Đường Bắc Nam 2	Toàn tuyến		216	173	138	
12	Đường Bắc Nam 3	Toàn tuyến		216	173	138	
13	Đường Bắc Nam 4	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây7	216	173	138	
14	Đường Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		216	173	138	
15	Đường Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		216	173	138	
16	Đường Bắc Nam 5	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây 7	216	173	138	
17	Đường Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	216	173	138	
18	Đường Bắc Nam 5b	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	216	173	138	
19	Đường Bắc Nam 5c	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	216	173	138	
20	Đường Bắc Nam 12	Đường ĐT 756C	Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy	216	173	138	
21	Đường Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		216	173	138	
22	Đường Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
23	Đường Đông Tây 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Bắc Nam 7	216	173	138	
24	Đường Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
25	Đường Đông Tây 2	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
26	Đường Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
27	Đường Đông Tây 3	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
28	Đường Đông Tây 4	Toàn tuyến		216	173	138	
29	Đường Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	216	173	138	
30	Đường Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
31	Đường Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
32	Đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
33	Đường Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	216	173	138	
34	Đường Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
35	Đường Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	216	173	138	
36	Đường Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
37	Đường Đông Tây 7	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
38	Đường Đông Tây 9	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	216	173	138	
39	Đường Đông Tây 9	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	216	173	138	
40	Đường Đông Tây 10	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 4	216	173	138	
41	Đường Đông Tây 11	Toàn tuyến		216	173	138	
42	Đường Đông Tây 12	Toàn tuyến		216	173	138	
43	Đường Đông Tây 13	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 3	216	173	138	
44	Đường Đông Tây 14	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 3	216	173	138	
45	Đường Đông Tây 15	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục chính Bắc Nam	216	173	138	
46	Đường Đông Tây 15	Đoạn còn lại		216	173	138	
47	Đường Đông Tây 16	Toàn tuyến		216	173	138	
48	Đường Đông Tây 17	Toàn tuyến		216	173	138	
49	Đường ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23	384	307	215	
50	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23	Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan	384	307	215	
51	Đường ĐT 756C	Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7	Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1	384	307	215	
52	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	216	173	138	42
53	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sóc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Đến cầu Sóc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh)	216	173	138	42

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
54	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba đoạn giáp ranh xã Tân Khai - Minh Đức	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	216	173	138	42
55	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	216	173	138	42
56	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Ngã tư cổng Nông trường 425	216	173	138	42
57	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Giáp đường Quốc lộ 13	Đến 300m	216	173	138	
58	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên	Khu công nghiệp Tân Khai 2	216	173	138	
59	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
60	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	216	173	138	
61	Đường liên ranh thôn 1-2	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	216	173	138	
62	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
63	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	216	173	138	
64	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	216	173	138	
65	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
66	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	216	173	138	
67	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	216	173	138	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)						
68	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
69	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	216	173	138	
70	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	216	173	138	
71	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
72	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	216	173	138	
73	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tấn Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	216	173	138	
74	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	216	173	138	
75	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai -	Từ 200m trở lên	Đến 500m	216	173	138	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Phường Minh Hưng)						
76	Các tuyến đường đấu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	216	173	138	
77	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vy)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	216	173	138	
78	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vy đến cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Quan)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	216	173	138	
79	Các tuyến đường đấu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	216	173	138	
80	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	216	173	138	
81	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7)	216	173	138	
82	Đường nhựa vào hồ Sen Trắng	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Ranh đường sắt cũ	216	173	138	
83	Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26	216	173	138	
84	Đường nhựa vào đập Bàu Úm	Ngã ba Đình thần	Công ty cấp thoát nước	180	144	115	
85	Đường nhựa vào cầu Huyện ủy	Ngã năm	Giáp ranh xã Tân Quan	216	173	138	
86	Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	216	173	138	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
87	Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	216	173	138	
88	Đường nhựa thôn 1	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	216	173	138	
89	Đường xã	Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82)	Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	156	125	100	42
90	Đường xã	Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Ngã tư quận 1	156	125	100	42
91	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Giáp ranh phường Minh Hưng	216	173	138	42
92	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư cổng Nông trường 425	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	216	173	138	42
93	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Giáp ranh xã Minh Đức	216	173	138	42
94	Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81	156	125	100	42
95	Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82	Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81	156	125	100	42
96	Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Ngã tư quận 1	Giáp ranh xã Minh Đức	96	77	61	42
97	Đường nhựa đi Phú Gia	Ngã tư quận 1	Cổng Nông trại Phú Gia	96	77	61	42
98	Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý)	Ngã tư quận 1	Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng	96	77	61	42
99	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1	Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81	Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85	96	77	61	42
100	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81)	Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64	96	77	61	42
101	Đường bê tông trục chính Sóc 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88)	Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78)	96	77	61	42
102	Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63)	Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84)	96	77	61	42
103	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Ngã ba đường ĐT 756C	Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh	96	77	61	42

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
			thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)				
104	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	Giáp ranh xã Minh Đức	96	77	61	42
105	Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm	Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95	Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95	96	77	61	42
106	Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4	Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90	Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90	96	77	61	42
107	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		180	144	115	
108	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		180	144	115	
109	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		96	77	61	42
110	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		96	77	61	42

76. Xã Tân Hưng

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 756	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41)	160	128	102
2	Đường ĐT 756	Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan)	Ngã ba dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31)	160	128	102
3	Đường ĐT 756	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng)	Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15)	160	128	102
4	Đường ĐT 756	Giáp ranh xã Lộc Quang	Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan)	160	128	102
5	Đường ĐT 757	Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68)	Giáp đường ĐT 756	110	88	70
6	Đường ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122)	Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đàn; đối diện Trường THCS Thanh An)	160	128	102
7	Đường ĐT 757	Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An)	Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giỏi)	160	128	102
8	Đường ĐT 757	Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến)	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130)	160	128	102
9	Đường ĐT 757	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131)	Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân	160	128	102
10	Đường ĐT 758	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ)	Giáp ranh đất cao su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)	160	128	102
11	Đường ĐT 758	Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 40; đất cao su)	Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)	160	128	102
12	Đường nhựa từ Ngã năm đi Cầu Đúc	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A	Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57)	115	92	74

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Đường nhựa từ Ngã năm đi Minh Lập	Ngã năm trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11)	115	92	74
14	Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ)	Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	80	64	51
15	Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70)	80	64	51
16	Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương	Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105)	Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109)	80	64	51
17	Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm	Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123)	Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129)	115	92	74
18	Đường trục chính ấp Sở Xiêm	Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34)	90	72	58
19	Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả	Ngã ba giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44)	90	72	58
20	Đường trục chính ấp Hưng Yên	Ngã ba giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55)	Ngã ba giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42)	90	72	58
21	Ngã ba vào nhà máy 30/4 đi cầu Long Tân	Ngã ba giao đường ĐT 756 (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 26)	Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34)	90	72	58
22	Ngã ba xã đi hồ An Khương	Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94)	80	64	51
23	Ngã ba xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại)	Ngã ba bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94)	Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70)	80	64	51
24	Đường nhựa ấp 4 đi đường ĐT 757	Từ Ngã ba nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84)	80	64	51
25	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69)	80	64	51
26	Đường nhựa ấp 2 đi đường ĐT 757	Ngã ba nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87)	80	64	51
27	Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng	Ngã ba trạm y tế xã Tân Quan (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)	Cổng Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76)	115	92	74
28	Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B	Toàn tuyến		90	72	58

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
29	Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng	Toàn tuyến		90	72	58
30	Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		90	72	58
31	Đường Bê tông xi măng nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên nối với đường ĐT 756, ĐT 757 và đường ĐT 758 trong phạm vi 300m từ HLLG	Toàn tuyến		90	72	58
32	Các tuyến đường nhựa còn lại	Toàn tuyến		80	64	51
33	Đường bê tông có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		80	64	51
34	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Tân Hưng (cũ) và xã Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		80	64	51
35	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã An Khương (cũ)	Toàn tuyến		60	48	38

77. Xã Tân Quan

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 758	Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60)	Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	180	144	115
2	Đường ĐT 758	Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Ngã ba Thác Số 4	180	144	115
3	Đường ĐT 758	Ngã ba Thác số 4	Ngã ba đi Thanh An (Hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	180	144	115
4	Đường ĐT 756	Ngã ba đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77)	180	144	115
5	Đường ĐT 756	Ngã ba đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Ngã năm Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61)	180	144	115
6	Đường ĐT 756C	Cầu bà Hô giáp ranh xã Tân Khai (Từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101)	Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101	132	106	84
7	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101)	Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	132	106	84
8	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93	132	106	84
9	Đường ĐT 756B	Đường ĐT 756C (Từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63)	Đến hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	132	106	84
10	Đường ĐT 756B	Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan ấp Xa Lách (Từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107)	132	106	84
11	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	264	211	169
12	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	Hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70	264	211	169
13	Đường ĐT 756C	Ngã ba đường đất (Từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71)	264	211	169
14	Đường ĐH 09	Từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 128, tờ bản đồ số 109	156	125	100
15	Đường ĐH 09	Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118	156	125	100
16	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 (Từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	96	77	61
17	Đường liên xã	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Ngã ba Sở Líp (Hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)	96	77	61
18	Đường liên xã	Ngã ba Sở Líp (Từ hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)	Ấp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	96	77	61

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Đường Liên xã	Ngã ba Sở Líp (Từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 57)	Ấp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)	96	77	61
20	Đường nhựa từ Cổng Chào Văn Hiên 1 đi ấp Sóc Lớn	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17	96	77	61
21	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã ba thác số 4 (Giáp đường ĐT 758)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126)	132	106	84
22	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã ba giáp đường ĐT 758 (Từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	132	106	84
23	Đường nhựa từ Ngã ba Sóc Trào đi ấp Sóc Trào B	Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61	Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146	132	106	84
24	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1 (Từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100)	Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106)	96	77	61
25	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Nha Bích	Từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106	Hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 108	96	77	61
26	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng	Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105	Hết thửa đất số 134, tờ bản đồ số 65	96	77	61
27	Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiên 2	Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95)	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87	96	77	61
28	Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh	Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89	96	77	61
29	Đường ĐH 11	Ngã ba Quang Minh (Từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157)	Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	156	125	100
30	Đường ĐH 11	Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Giáp ranh cao su Nông trường cao su Xa Trạch	156	125	100
31	Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích	Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71	Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123	156	125	100
32	Đường nhựa số 06	Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70	Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67	156	125	100
33	Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An	Từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46	50	40	32
34	Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An	Từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32	50	40	32
35	Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh	Từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60	Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149	114	91	73
36	Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan	Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 983, tờ bản đồ số 64	70	56	45
37	Đường nhựa Ngã tư chợ Tân Quan	Từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93	70	56	45
38	Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93	70	56	45
39	Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93	70	56	45

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
40	Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93	70	56	45
41	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 756B và đường ĐT 756C trong phạm vi 200m đầu tính từ HLLG	Toàn tuyến		70	56	45
42	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		50	40	32
43	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		50	40	32

78. Xã Minh Đức

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐH 246	Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66)	Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66)	96	77	61	42
2	Đường ĐH 246	Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65)	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	96	77	61	42
3	Đường ĐH 246	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53	96	77	61	42
4	Đường ĐH 246	Ngã ba giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211,tờ bản đồ số 11	108	86	69	42
5	Đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11	108	86	69	42
6	Đường ĐH 246	Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11	Giáp ranh xã Minh Đức cũ	108	86	69	42
7	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66)	70	56	45	42
8	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66)	70	56	45	42
9	Đường bê tông trường THCS ấp 1A	Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65)	70	56	45	42
10	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66	Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73)	96	77	61	42
11	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ bản đồ số 73)	Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 64	96	77	61	42
12	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64	Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39	96	77	61	42
13	Đường Lộ đal ấp 3	Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa	Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73)	70	56	45	42

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
		số 62, tờ bản đồ số 73)					
14	Đường nhựa ấp 1A đi ấp Sóc Ruộng	Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73	Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74	70	56	45	42
15	Đường nhựa ấp 1A	Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66)	Ngã ba trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66)	70	56	45	42
16	Đường nhựa ấp 1B	Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66)	Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59)	70	56	45	42
17	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73)	70	56	45	42
18	Đường nhựa từ ấp 2 đi ấp Chà Lon	Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73)	Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43	70	56	45	42
19	Đường xã Minh Đức đi xã Tân Khai	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	96	77	61	42
20	Đường xã Minh Đức đi xã Tân Khai	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44	96	77	61	42
21	Đường ĐT 752	Giáp ranh phường Bình Long	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	144	115	92	42
22	Đường ĐT 752	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	144	115	92	42
23	Đường ĐT 752	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh)	144	115	92	42
24	Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng	Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào)	Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9)	108	86	69	42
25	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giáp ranh xã Tân Khai	Giáp ranh Suối	120	96	77	42

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
26	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ranh Suối	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	120	96	77	42
27	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	Ngã tư nhà máy xi măng	120	96	77	42
28	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã tư nhà máy xi măng	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	120	96	77	42
29	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành	90	72	58	42
30	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông	Cầu cần Lê 1	90	72	58	42
31	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu cần Lê 1	Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam)	90	72	58	42
32	Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết tuyến	108	86	69	42
33	Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3	Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	60	48	38	38
34	Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7	60	48	38	38
35	Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú	Đầu thửa đất số 316, tờ bản đồ số 6	Hết thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6	60	48	38	38
36	Đường nhựa Ngã ba Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1)	Đầu thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	60	48	38	38
37	Đường nhựa Ngã ba Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2)	Từ đầu thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Đến hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 5	60	48	38	38
38	Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm	Ngã tư nhà máy xi măng	Hết tuyến	60	48	38	38
39	Đường nhựa liên xã An Phú cũ	Toàn tuyến		60	48	38	38
40	Đường từ Ngã tư Tằng Hách đến Ngã tư Phúc Sơn	Từ thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 51	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	60	48	38	38
41	Đường từ Ngã ba nghĩa địa Tằng	Từ thửa đất số 283, tờ bản đồ số 51	Giáp ranh phường An Lộc	60	48	38	38

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Hách đi Phường An Lộc (đường số 1)						
42	Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ)	Ngã tư đường ĐT752	Giáp đất trại giam Tống Chân (K4)	90	72	58	42
43	Đường Nhựa ấp 4	Ngã tư đường ĐT752	Giáp suối	90	72	58	42
44	Đường từ Ngã ba Phố Lố đến cổng chào An Tân	Từ thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84	Đến thửa đất số 126, tờ bản đồ số 50	60	48	38	38
45	Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul	Giáp ranh phường Bình Long (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 94	60	48	38	38
46	Đường Bình Phú - Sóc Rul	Từ thửa đất số 54, tờ bản đồ số 93	Giáp ranh xã Minh Tâm cũ	60	48	38	38
47	Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ)	Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thửa đất số 40, tờ bản đồ số 86)	Hết ranh thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83	60	48	38	38
48	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		50	40	32	32
49	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32

79. Xã Phước Sơn

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 755	Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ)	Hết ranh Công ty Hà My thôn 1	170	136	109	25
2	Đường ĐT 755	Giáp ranh Công ty Hà My thôn 1	Nhà văn hóa thôn 2	170	136	109	25
3	Đường ĐT 755	Nhà văn hóa thôn 2	Hết địa phận thôn 3	170	136	109	25
4	Đường ĐT 755	Hết địa phận thôn 3	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	170	136	109	25
5	Đường ĐT 755	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toản	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6	170	136	109	25
6	Đường ĐT 755	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	170	136	109	25
7	Đường ĐT 755	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Giáp ranh xã Bù Đăng	170	136	109	25
8	Đường ĐT 755	Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ)	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	195	156	125	32
9	Đường ĐT 755	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Ngã ba xã cũ	195	156	125	32
10	Đường ĐT 755	Ngã ba xã cũ	Ranh xã Phước Sơn	195	156	125	32
11	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	195	156	125	32
12	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm (thôn 4 Thống Nhất)	195	156	125	32
14	Đường ĐT 755	Ngã ba tổ 1, tổ 2 (thôn 4 Thống Nhất)	Hết tuyến	195	156	125	32
15	Đường Ngã ba bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã)	Đường ĐT 755	Ranh xã Thọ Sơn	104	83	67	25
16	Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi Thôn 8 Thống Nhất	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Ngã ba nhà ông Triệu Tiến Tài	111	88	71	32
17	Đường từ Ngã ba xã cũ đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	111	88	71	32
18	Đường vào Sóc ông La	Ngã ba Tám Láo	Ngã ba NVH thôn 11 Thống Nhất	111	88	71	32
19	Đường từ Ngã ba Cây Phượng đi Ngã ba ông Sính	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	111	88	71	32
20	Tuyến đường tổ 1,tổ 2 thôn 4 Thống Nhất	Ngã ba tổ 1, tổ 2 thôn 4 Thống Nhất	Ngã ba Đạ Có thôn 4 Thống Nhất	75	60	48	32
21	Tuyến đường Ngã ba thôn 12 Thống Nhất	Ngã ba thôn 12 Thống Nhất	Giáp ranh xã Đăng Hà (cũ)	75	60	48	32
22	Tuyến đường tổ 4, thôn 3 Thống Nhất	Đường tổ 4 thôn 3 Thống Nhất	Ngã ba tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	75	60	48	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
23	Tuyến đường Ngã ba tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	Ngã ba tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	Hết Tuyến	75	60	48	32
24	Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất	Nhà văn hóa thôn 8 Thống Nhất	Tổ 2 thôn 11 Thống Nhất	75	60	48	32
25	Đường đi ngã ba Ba Tàu đến Bàu Cá rô	Đường ĐT 755	Hết tuyến	104	83	67	25
26	Ngã ba Xe Vàng đi Lòng Hồ	Ngã ba Xe Vàng	Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển	104	83	67	25
27	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Hết ranh ông Bùi Văn Biển	Giáp Suối	111	88	71	32
28	Đường Ngã ba xe Vàng đi Lòng hồ	Giáp Suối	Ngã ba đường vào NVH Thôn 8	111	88	71	32
29	Đường số 1 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	111	88	71	32
30	Đường số 2 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	111	88	71	32
31	Đường ĐT 755B	Ranh xã Thống Nhất cũ	Cầu số 3	170	136	109	25
32	Đường ĐT 755B	Cầu số 3	Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	170	136	109	25
33	Đường ĐT 755B	Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Ngã ba nhà ông Thoại	170	136	109	25
34	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà ông Thoại	Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	170	136	109	25
35	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Hết ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)	170	136	109	25
36	Đường ĐT 755B	Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	170	136	109	25
37	Đường ĐT 755B	Ngã ba Xưởng điều ông Tân	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	170	136	109	25
38	Đường ĐT 755B	Ngã ba nhà hàng Tuấn Lợi	Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)	170	136	109	25
39	Đường ĐT 755B	Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)	Ranh xã Đăng Hà (cũ)	170	136	109	25
40	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Đường ĐT 755B	Lò gạch ông Sử	75	60	48	32
41	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Lò gạch ông Sử	Đường BTXM giáp ranh ông Bàn Văn Minh và ông Lâm Văn Sen	75	60	48	32
42	Đường Ngã ba ông Thoại đi xã Đắk Lua (DHA.11)	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Đắk Lua	75	60	48	32
43	Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)	Ngã ba Bằng Lăng	Nhà ông Tô Duy Vần	75	60	48	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
44	Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)	Nhà ông Tô Duy Vần	Dốc khỉ	75	60	48	32
45	Đường Thôn 2 Đăng Hà đi Thôn 1 Đăng Hà (DHA.12)	Ngã ba ông Xuyến	Giáp ranh xã Đắk Lua	75	60	48	32
46	Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)	Ngã ba ông Thọ	Cầu ông Hiền	111	88	71	32
47	Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)	Cầu ông Hiền	Giáp ranh xã Đắk Lua	111	88	71	32
48	Đường Bù Có	Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa)	Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến	111	88	71	32
49	Đường Thôn 5 đi Thôn 4	Đường ĐT 755	Giáp Suối	111	88	71	32
50	Đường Thôn 5 đi Thôn 4	Giáp Suối	Ngã ba Đường Thôn 4 đi Thôn 7	111	88	71	32
51	Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ)	Đường ĐT 755 Đường Ngã ba Xe Vàng	Cuối đường	111	88	71	32
52	Đường đi chùa Thanh Phước	Đường ĐT 755	Ngã tư Bù N'hai	111	88	71	32
53	Đường đi chùa Thanh Phước	Ngã tư Bù N'hai	Ngã ba ông Dương	111	88	71	32
54	Đường đi Bàu Đĩa	Đường ĐT 755	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	111	88	71	32
55	Đường đi Bàu Đĩa	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Ngã ba Láng Dầu	111	88	71	32
56	Đường BTXM đoạn nhà ông Lương Văn Dựng	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Hoàng Văn Cài	111	88	71	32
57	Đường Thôn 3 đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Đất Lâm Phần	111	88	71	32
58	Đường từ Ngã ba Tàu đi đường Bàu Cá Rô Thôn 2 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Ngã ba Bàu Cá Rô	111	88	71	32
59	Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp đất ông Lê Đình Bé	111	88	71	32
60	Đường cạnh NVH thôn 8 Thống Nhất	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp suối	111	88	71	32
61	Đường Làng Thôn 1 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hiếu	111	88	71	32
62	Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi Ngã ba ông Phạm Quang Minh	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Phạm Quang Minh	111	88	71	32
63	Đường NVH thôn 3 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	111	88	71	32
64	Đường Ngã ba Cây xăng Thiên Bảo	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Tuyến	111	88	71	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
65	Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	111	88	71	32
66	Đường Ngã ba ông Hoàng Cá Mắm	Đường ĐT 755	Ngã ba ông Hoàng Văn Bản	111	88	71	32
67	Đường vào nông trường cao su Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp suối	170	136	109	25
68	Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	111	88	71	32
69	Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn 10 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Phan Văn Tuấn	111	88	71	32
70	Đường nội ô thôn 3 Thống Nhất, xã Phước Sơn	Toàn tuyến		111	88	71	32
71	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		75	60	48	32

80. Xã Nghĩa Trung

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi	Cầu Pan Toong	195	156	125	32
2	Đường Quốc lộ 14	Cầu Pan Toong	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung	195	156	125	32
3	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	195	156	125	32
4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	Ngã ba đường 36	195	156	125	32
5	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường 36	Cầu 38	195	156	125	32
6	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung	Hết trụ sở Nông trường cao su	195	156	125	32
7	Đường Quốc lộ 14	Hết trụ sở Nông trường cao su	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi	195	156	125	32
8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh với xã Đồng Tâm	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	195	156	125	32
9	Đường Quốc lộ 14	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	195	156	125	32
10	Đường Quốc lộ 14	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung	195	156	125	32
11	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 32	Ngã ba 33	195	156	125	32
12	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 33	Ngã ba Đức Liễu	195	156	125	32
13	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Đức Liễu	Cầu 38	195	156	125	32
14	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Sao Bọng	Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2	111	88	71	32
15	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2	Ranh giữa thôn 9 - xã Phước Sơn	111	88	71	32
16	Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên)	Toàn tuyến		111	88	71	32
17	Đường tổ 3B	Bên hông điện lực	Giáp Nhà máy tinh bột VeDan	111	88	71	32
18	Đường tổ 1	Đường Quốc lộ 14	Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	111	88	71	32
19	Đường tổ 1	Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đối diện Nhà máy tinh bột VeDan	111	88	71	32
20	Đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình (cũ)	Toàn tuyến		111	88	71	32
21	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh	111	88	71	32
22	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh	Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ)	111	88	71	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
23	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ranh xã Nghĩa Bình - Đức Liễu (cũ)	Ngã ba Minh Đức	111	88	71	32
24	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ngã ba Minh Đức	Giáp ranh xã Phước Sơn	111	88	71	32
25	Đường Sóc 28	Đường Quốc lộ 14	Hết tuyến	111	88	71	32
26	Đường Sóc 29	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ)	111	88	71	32
27	Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh thôn Bình Tiến	111	88	71	32
28	Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14	Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung	111	88	71	32
29	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Ngã ba sân bay	Giáp ranh thôn Bình Tiến	111	88	71	32
30	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Nhà ông Biện Văn Hai	Giáp ranh thôn Bình Tiến	111	88	71	32
31	Đường hai bên chợ Nghĩa Trung	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	111	88	71	32
32	Đường ĐT 759	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phước Tân, Huyện Phú Riềng (cũ)	195	156	125	32
33	Đường ĐT 753B	Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131	195	156	125	32
34	Đường ĐT 753B	Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131	Hết tuyến	195	156	125	32
35	Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2	Đường Quốc lộ 14	Đường ĐT 753B	111	88	71	32
36	Đường đi thôn 2	Ngã ba cổng chào thôn 2	Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ)	111	88	71	32
37	Đường nội ô khu Trung tâm hành chính	Toàn tuyến		111	88	71	32
38	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		75	60	48	32

81. Xã Bù Đăng

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Thọ Sơn	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	182	146	116	32
2	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2	182	146	116	32
3	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	182	146	116	32
4	Đường Quốc lộ 14	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3	350	280	196	32
5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Ngã ba nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9	350	280	196	32
6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ Ngã ba nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43)	350	280	196	32
7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miếu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điểu Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43)	Cầu Bù Đăng	350	280	196	32
8	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bù Đăng	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8)	350	280	196	32
9	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8)	Đường 14 tháng 12	350	280	196	32
10	Đường Quốc lộ 14	Đường 14 tháng 12	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	350	280	196	32
11	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	350	280	196	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
12	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51)	350	280	196	32
13	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51)	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	350	280	196	32
14	Đường Quốc lộ 14	Cống ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10	350	280	196	32
15	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	350	280	196	32
16	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn 01	238	190	152	32
17	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào Thác Đứng thôn 01	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	238	190	152	32
18	Đường Quốc lộ 14	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Ngã ba Minh Hưng	238	190	152	32
19	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Minh Hưng	Ranh đất nhà ông Chuẩn thửa đất số 20, tờ bản đồ số 177	238	190	152	32
20	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Chuẩn thửa đất số 20, tờ bản đồ số 177	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn 7	238	190	152	32
21	Đường Quốc lộ 14	Đường Quốc lộ 14 Ngã ba Đường vào thôn 7	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	238	190	152	32
22	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	238	190	152	32
23	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Cầu 38	238	190	152	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
24	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng	238	190	152	32
25	Đường 14/12	Toàn tuyến		182	146	116	32
26	Đường Hùng Vương	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49	182	146	116	32
27	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	182	146	116	32
28	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13	182	146	116	32
29	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13	Cầu Vĩnh Thiện	182	146	116	32
30	Đường số 1	Phía bên trái chợ chính		182	146	116	32
31	Đường số 2	Phía bên phải chợ chính		182	146	116	32
32	Đường số 3	Phía trái chợ phụ		182	146	116	32
33	Đường số 4	Phía phải chợ phụ		182	146	116	32
34	Đường Lê Lợi	Toàn tuyến		182	146	116	32
35	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	182	146	116	32
36	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Hai Bà Trưng	Ngã tư giáp đường D1	182	146	116	32
37	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư giáp đường D1	Ngã ba đường Trần Phú	182	146	116	32
38	Đường Lê Quý Đôn	Ngã ba đường Trần Phú	Ngã ba đường Hùng Vương	182	146	116	32
39	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	182	146	116	32
40	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8	182	146	116	32
41	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36	182	146	116	32
42	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (Phía Tây: Hết thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa	182	146	116	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
			đất số 121, tờ bản đồ 2)				
43	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (Phía Bắc: Từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 2, Phía Nam: Từ thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2)	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	182	146	116	32
44	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	182	146	116	32
45	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	182	146	116	32
46	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Cuối tuyến	182	146	116	32
47	Đường Ngô Gia Tự	Toàn tuyến		182	146	116	32
48	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		182	146	116	32
49	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		182	146	116	32
50	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		182	146	116	32
51	Đường Trần Hưng Đạo	Toàn tuyến		182	146	116	32
52	Đường Điểu Ong	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Phía Đông: Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng Phía Tây: Hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8	182	146	116	32
53	Đường Điểu Ong	Phía Đông: Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13	Ngã ba Sóc ông Đố (Phía Tây: Hết thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60, Phía Đông: Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60)	182	146	116	32
54	Đường Điểu Ong	Ngã ba Sóc ông Đố (Phía Tây: Từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64, Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 64)	Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn)	182	146	116	32
55	Đường nhựa vào Sóc Bù Môn	Ngã ba Sóc ông Đố (Phía Tây: Từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 60, Phía Đông: Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64)	Cuối tuyến	182	146	116	32
56	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		182	146	116	32
57	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã tư đường D1	182	146	116	32
58	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường D1	Giáp đường Lý Thường Kiệt	182	146	116	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
59	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Lê Hồng Phong	182	146	116	32
60	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lê Hồng Phong	ĐT 755	182	146	116	32
61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba vào hồ Bra măng	182	146	116	32
62	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đoạn còn lại		182	146	116	32
63	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		182	146	116	32
64	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		182	146	116	32
65	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư nhà ông Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15)	182	146	116	32
66	Đường số 3 Xưởng điều Long Đăng	Đoạn còn lại		182	146	116	32
67	Đường D1	Toàn tuyến		182	146	116	32
68	Đường bên hông nhà thuốc Hà Loan	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Lê Lợi	182	146	116	32
69	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Đường Hùng Vương	Cầu sắt Đức Hòa	182	146	116	32
70	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yến Cam)	Cầu sắt Đức Hòa	Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện	182	146	116	32
71	Đường quanh hồ 7 mẫu	Đường Quốc lộ 14	Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9)	182	146	116	32
72	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9)	Nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9)	182	146	116	32
73	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toản (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14)	Ngã ba giao đường Điểu Ong	182	146	116	32
74	Đường bên hông huyện đội	Toàn tuyến		182	146	116	32
75	Đường Ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		182	146	116	32
76	Đường vào sóc Bù Ra Mang	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông	182	146	116	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
			Điểu MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5)				
77	Đường ĐT 755	Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn)	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	182	146	116	32
78	Đường ĐT 755	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Cầu Tân Minh	182	146	116	32
79	Đường ĐT 755	Cầu Tân Minh	Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ	182	146	116	32
80	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 106 tờ bản đồ 75)	100	80	64	32
81	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 106 tờ bản đồ 75)	Giáp ranh xã Thọ Sơn	100	80	64	32
82	Đường Thác Đứng	Giáp đường ĐT 755	Ngã tư danh lam Thác Đứng	100	80	64	32
83	Đường sân bay cũ (Tránh lũ)	Ngã ba tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt	Đường ĐT 755	100	80	64	32
84	Đường liên thôn	Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92)	Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức	100	80	64	32
85	Đường liên thôn	Đường ĐT 755 (Ngã ba Tân Minh)	Dốc bà Thơm (bà Tham)	88	70	56	32
86	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Tư Nghĩa	Đi thôn Đoàn Kết (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)	88	70	56	32
87	Đường ĐT 760	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	238	190	152	32
88	Đường ĐT 760	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hảo (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)	238	190	152	32
89	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	238	190	152	32
90	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	238	190	152	32
91	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo)	238	190	152	32
92	Đường hai bên chợ Minh Hưng	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính	126	101	81	32
93	Đường xâm nhập nhựa	Đường Quốc lộ 14	Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đăng	126	101	81	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
94	Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ)	Hết ranh Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124)	100	80	64	32
95	Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Đường ĐT 760	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	100	80	64	32
96	Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Toàn tuyến	100	80	64	32
97	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú	Đường Quốc lộ 14	Đập Thủy lợi Hưng Phú	100	80	64	32
98	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ), vào Nhà văn hóa thôn Hưng Tân đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa 170 tờ bản đồ 128	100	80	64	32
99	Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân	100	80	64	32
100	Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường Mẫu giáo Minh Hưng)	Đường Quốc lộ 14	Cuối đường	100	80	64	32
101	Ngã ba thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú	Ngã ba giáp đường thôn Hưng Tân (đường ngã ba Hành)	Ngã ba đường đi thôn Hưng Phú	100	80	64	32
102	Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt)	Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng)	Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yến Bốn Xê)	100	80	64	32
103	Đường hai bên trái, phải khu dân cư và	Toàn tuyến		182	146	116	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu						
104	Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		182	146	116	32
105	Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa)	Quốc lộ 14	Cuối đường	88	70	56	32
106	Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng)	Toàn tuyến	0	88	70	56	32
107	Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết tờ bản đồ số 103	88	70	56	32
108	Các tuyến đường đất còn lại có bề rộng nhỏ hơn 4m hoặc đường không cắt lộ giới	Toàn tuyến		88	70	56	32
109	Các tuyến đường đã được đầu tư bê tông, nhựa hoặc đường đất chưa được quy định ở trên	Toàn tuyến		100	80	64	32

82. Xã Thọ Sơn

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phú Sơn cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	169	135	108	
2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95)	169	135	108	
3	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	169	135	108	
4	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	169	135	108	
5	Đường Quốc lộ 14	Nga ba Đường vào cổng Nông trường	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	169	135	108	
6	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400)	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	169	135	108	32
7	Đường Quốc lộ 14	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	169	135	108	32
8	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400)	169	135	108	32
9	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ	Hết ranh cây xăng Duy Kỳ	169	135	108	
10	Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		104	83	67	
11	Đường hai bên chợ Thọ Sơn	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	104	83	67	32
12	Đường liên thôn	Nga ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường	Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90)	91	73	58	
13	Đường liên thôn	Ngã ba Đường vào cổng Nông trường	Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90)	91	73	58	
14	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	104	83	67	32
15	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	104	83	67	32
16	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	104	83	67	32
17	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	104	83	67	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
18	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba cổng chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	104	83	67	32
19	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất ông Điểu Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Hết tuyến	104	83	67	32
20	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	104	83	67	32
21	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	104	83	67	32
22	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	Cuối tuyến	104	83	67	32
23	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ	Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)	104	83	67	32
24	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)	Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ	104	83	67	32
25	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48	Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43	91	73	58	32
26	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Đoàn Công Thức thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	91	73	58	32
27	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Ngã ba chùa Ông Tòng thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	91	73	58	32
28	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33	91	73	58	32
29	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã ba Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14)	Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2)	91	73	58	32
30	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã ba vào trường THCS (Cấp 1,2)	Suối Sơn Hòa	91	73	58	32
31	Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn	Toàn tuyến		91	73	58	32
32	Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng	Đường thôn	Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ	91	73	58	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
33	Đường bê tông xi măng	Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ		91	73	58	32
34	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Quỳnh	Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập	91	73	58	32
35	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Năm	Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập	91	73	58	32
36	Đường nối tiếp bê tông xi măng	Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập		91	73	58	32
37	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		91	73	58	32
38	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		70	56	45	32

83. Xã Đắk Nhau

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 760	Giáp ranh xã Bom Bo	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	156	125	100	32
2	Đường ĐT 760	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	156	125	100	32
3	Đường ĐT 760	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Ngã ba thôn 2 đi thôn 5	156	125	100	32
4	Đường ĐT 760B	Ngã ba chuồng trâu	Ngã ba Nùng	98	78	62	32
5	Đường ĐT 760B.Nhựa	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25	Hết cây xăng Chung Chiều	98	78	62	32
6	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết cây xăng Chung Chiều	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9	98	78	62	32
7	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Giáp ranh xã Bom Bo	Ngã ba Nùng	98	78	62	25
8	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Ngã ba Nùng	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	98	78	62	25
9	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	98	78	62	32
10	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	98	78	62	32
11	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	98	78	62	32
12	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	98	78	62	32
13	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	98	78	62	32
14	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Giáp ranh xã Thọ Sơn	98	78	62	32
15	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51	65	52	42	25
16	Đường thâm nhập nhựa	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24)	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15	65	52	42	25
17	Đường thâm nhập nhựa	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49)	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	65	52	42	25
18	Đường thâm nhập nhựa	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	65	52	42	25
19	Đường thâm nhập nhựa	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47)	65	52	42	25
20	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02	65	52	42	25
21	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48	65	52	42	25
22	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	65	52	42	25
23	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14	65	52	42	25
24	Đường bê tông nhựa	Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05	65	52	42	25
25	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		65	52	42	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
26	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		65	52	42	25
27	Ngã ba thôn 2 đi thôn 5 (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)	Toàn tuyến		65	52	42	32
28	Ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4	Toàn tuyến		65	52	42	32
29	Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm)	Toàn tuyến		98	78	62	32
30	Ngã ba Cây xăng Chung Chiều đến nhà văn hóa thôn 5	Toàn tuyến		65	52	42	32
31	Ngã ba Bảy Liếm đến ngã ba tổ 4 thôn 2	Toàn tuyến		65	52	42	32
32	Đường số 1	Toàn tuyến		98	78	62	32
33	Đường số 2	Toàn tuyến		98	78	62	32
34	Đường số 3	Toàn tuyến		98	78	62	32
35	Đường số 4	Toàn tuyến		98	78	62	32
36	Đường số 6	Toàn tuyến		98	78	62	32
37	Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc)	Toàn tuyến		98	78	62	32
38	Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau	Toàn tuyến		98	78	62	32
39	Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC xã Đường 10 cũ	Toàn tuyến		98	78	62	32

84. Xã Bom Bo

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 760	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng)	Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78	169	135	108	32
2	Đường ĐT 760	Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thắng Bền)	169	135	108	32
3	Đường ĐT 760	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương)	169	135	108	32
4	Đường ĐT 760	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75	Ngã ba Tình Nghĩa	169	135	108	32
5	Đường ĐT 760	Ngã ba Tình Nghĩa	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ)	169	135	108	32
6	Đường ĐT 760	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	169	135	108	32
7	Đường ĐT 760	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)	169	135	108	32
8	Đường ĐT 760	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)	169	135	108	32
9	Đường ĐT 760	Thửa đất số 141, 308, tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	169	135	108	32
10	Đường ĐT 760	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	169	135	108	32
11	Đường ĐT 760	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55	169	135	108	32
12	Đường ĐT 760	Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55	Cầu Sập	169	135	108	32
13	Đường ĐT 760	Cầu Sập	Ngã ba cổng chào thôn 8	169	135	108	32
14	Đường ĐT 760	Ngã ba cổng chào thôn 8	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo	169	135	108	32
15	Đường ĐT 760	Hết ranh Cổng Nhà văn hóa Bom Bo	Hết ranh nhà ông Sáu Lực	169	135	108	32
16	Đường ĐT 760	Giáp ranh nhà ông Sáu Lực	Ngã ba ông Võ Lý Hùng	169	135	108	32
17	Đường ĐT 760	Ngã ba ông Võ Lý Hùng	Giáp ranh xã Đắk Nhau	169	135	108	32
18	Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã	Toàn tuyến		104	83	67	32
19	Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần	Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80	Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66	70	56	45	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
	Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đổi						
20	Đường 23 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55	70	56	45	32
21	Đường 24 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55	70	56	45	32
22	Đường Ba Trà đi thôn 678	Đường ĐT 760	Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64	70	56	45	32
23	Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm	Đường ĐT 760	Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52	70	56	45	32
24	Tuyến đường vành đai xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chấp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64	70	56	45	32
25	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã tư Bom Bo	Ngã ba đường Sân Bóng	104	83	67	32
26	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Ngã ba đường Sân Bóng	Hết ranh Trường Lương Thế Vinh	104	83	67	32
27	Đường liên xã Bom Bo - Đak Nhau	Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh	Giáp ranh xã Đắk Nhau	104	83	67	32
28	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư Bom Bo	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng	104	83	67	32
29	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng	Ngã ba nhà ông Ngộ	104	83	67	32
30	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ	Ngã ba nhà ông Tuấn Anh	104	83	67	32
31	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngộ	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn	104	83	67	32
32	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba vào trường Cấp 1, 2 Trần Văn Ơn	Hết ranh đất lâm phần	104	83	67	32
33	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Ba Thành	Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đắk Nhau	104	83	67	32
34	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên	Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam	104	83	67	32
35	Đường hai bên chợ Bom Bo	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	104	83	67	32
36	Đường ô trường Tiểu học	Ngã ba nhà ông Tiền	Ngã ba nhà ông Long Quý	104	83	67	32
37	Đường Thôn 7 - Thôn 9	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ơn	Ngã ba nhà ông Tô Văn Tướng	70	56	45	32
38	Đường bên hông Trung tâm thương mại	Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà	Suối Đăk Liên	104	83	67	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
39	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Ngã ba nhà ông Toàn	Khu dân cư Thái Thành	104	83	67	32
40	Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ	Ngã ba ông Xây	Ngã ba nhà ông Thái	70	56	45	32
41	Đường bên hông Thái Thành	Đường ĐT 760	UBND xã Bom Bo	70	56	45	32
42	Các tuyến đường bê tông, nhựa còn lại	Toàn tuyến		70	56	45	32
43	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		70	56	45	32

85. Xã Thiện Hưng

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường Nguyễn Huệ	Ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)	350	280	224	
2	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)	Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09	350	280	224	
3	Đường Nguyễn Huệ	Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	350	280	224	
4	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	Đường Nguyễn Văn Trỗi	350	280	224	
5	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Ranh xã Thiện Hưng cũ	350	280	224	
6	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Công Chánh	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	350	280	224	
7	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	350	280	224	
8	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	350	280	224	
9	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Sở Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10	350	280	224	
10	Đường Lê Duẩn	Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)	350	280	224	
11	Đường Lê Duẩn	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tỏ)	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20)	350	280	224	
12	Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20)	Cầu sông Bé mới	350	280	224	
13	Đường Hùng Vương	Vòng xoay	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	168	134	108	
14	Đường Hùng Vương	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Hết tuyến	168	134	108	
15	Đường Lê Hồng Phong	Toàn tuyến		168	134	108	
16	Đường trong khu vực chợ (cũ)	Toàn tuyến		126	101	81	
17	Đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		168	134	108	
18	Đường Lê Văn Sỹ	Toàn tuyến		168	134	108	
19	Đường Trần Huy Liệu	Toàn tuyến		168	134	108	
20	Đường Nguyễn Lương Bằng	Toàn tuyến		168	134	108	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
21	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)	168	134	108	
22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điểu Tài) cũ)	Giáp ranh xã Thanh Hoà (cũ)	168	134	108	
23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	168	134	108	
24	Đường trong Trung tâm thương mại	Toàn tuyến		168	134	108	
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		168	134	108	
26	Đường 7/4	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Chu Văn An	168	134	108	
27	Đường Phan Đăng Lưu	Toàn tuyến		168	134	108	
28	Đường Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		168	134	108	
29	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến		168	134	108	
30	Đường Hoàng Văn Thụ	Vòng xoay	Đường tránh	168	134	108	
31	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường tránh	Đường Nguyễn Văn Trỗi	168	134	108	
32	Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường ĐT 759B	168	134	108	
33	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		168	134	108	
34	Đường khu phố Thanh Xuân	Đấu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76)	Đấu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16)	168	134	108	
35	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		168	134	108	
36	Đường Lương Đình Của	Toàn tuyến		168	134	108	
37	Đường Cống Quỳnh	Đường Nguyễn Huệ	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (D2)	168	134	108	
38	Đường nhựa Cần Đơn	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Trụ điện 02	168	134	108	
39	Đường nhựa Cần Đơn	Trụ điện 02	Hết tuyến	168	134	108	
40	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		168	134	108	
41	Đường D4	Toàn tuyến		168	134	108	
42	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		168	134	108	
43	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	126	101	81	
44	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Suối Đá	126	101	81	
45	Đường Suối Đá ấp Thanh Trung	Suối Đá	Đường Lê Duẩn	126	101	81	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
46	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	168	134	108	
47	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	Ranh xã Thanh Hòa (cũ)	168	134	108	
48	Đường ấp Thanh Trung	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04)	126	101	81	
49	Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Kiết Lành	126	101	81	
50	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Hoàng Văn Thụ	Đến ranh đội Quản lý thị trường	168	134	108	
51	Đường giao thông đấu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		168	134	108	
52	Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17)	168	134	108	
53	Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Toàn tuyến		168	134	108	
54	Đường nhựa đi công ty Chuối	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 28)	Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5)	126	101	81	
55	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20	Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20)	126	101	81	
56	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy	Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn)	126	101	81	
57	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (Cổng chào ấp)	Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13	Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13	126	101	81	
58	Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư	Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11 (Hết ranh thị trấn Thanh Bình (cũ))	126	101	81	
59	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Ngã ba Kiết Lành	Trụ sở ấp Thanh Tâm (hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 12)	126	101	81	
60	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Ngã ba Kiết Lành	Hết thửa đất số 413, tờ bản đồ số 11	126	101	81	
61	Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		126	101	81	
62	Đường nhựa (Sao Biển)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 45	126	101	81	
63	Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36	Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 36	126	101	81	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
64	Đường nhựa giáp ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể	Toàn tuyến		168	134	108	
65	Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		168	134	108	
66	Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		168	134	108	
67	Các đường đấu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		168	134	108	
68	Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		168	134	108	
69	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	168	134	108	
70	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16	168	134	108	
71	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	168	134	108	
72	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8	168	134	108	
73	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Tiến	Cống Tầm Ron	168	134	108	49
74	Đường ĐT 759B	Cống Tầm Ron	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	168	134	108	49
75	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	168	134	108	49
76	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)	Cầu sông Bé mới	168	134	108	49
77	Đường ĐT 759B	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	Hết ranh trại hòm Ba Đừng	168	134	108	49
78	Đường ĐT 759B	Hết ranh trại hòm Ba Đừng	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng	168	134	108	49
79	Đường ĐT 759B	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178	168	134	108	49
80	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178	Hết ranh Đài tưởng niệm	168	134	108	49
81	Đường ĐT 759B	Hết ranh Đài tưởng niệm	Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ)	168	134	108	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
82	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)	Cổng chào ấp 8	105	84	67	49
83	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Cổng chào ấp 8	Nhà văn hóa ấp 8	105	84	67	49
84	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Nhà văn hóa ấp 8	Chùa Thanh Vân	105	84	67	49
85	Đường cổng chào ấp 3	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ	50	40	32	32
86	Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		105	84	67	49
87	Đường nhựa ấp 1	Đường ĐT759B	Hết ranh nhà văn hóa ấp 1	50	40	32	32
88	Đường nhựa ấp 2	Đường ĐT759B	Ngã tư ấp 2 và ấp 3	50	40	32	32
89	Đường nhựa ấp 7 (ngã ba cây Sao)	Đường ĐT759B	Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ)	50	40	32	32
90	Đường nhựa ấp 7 (ngã ba quán cây me)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129	50	40	32	32
91	Đường nhựa ấp 6	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126	50	40	32	32
92	Đường nhựa ấp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ)	Đường ĐT759	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91	50	40	32	32
93	Đường nhựa ấp 9	Ngã tư trường tiểu học ấp 9	Hết Nhà văn hóa ấp 9	50	40	32	32
94	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717)	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112	Hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 110	50	40	32	32
95	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 91, tờ bản đồ số 116	50	40	32	32
96	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125	105	84	67	49
97	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125	Hết ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 129	105	84	67	49
98	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 124	50	40	32	32
99	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124	50	40	32	32
100	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 123	50	40	32	32
101	Đường nhựa thôn 3 ranh giữa xã Thiện Hưng - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		105	84	67	49
102	Đường nhựa vào ấp 8	Cổng chào ấp 8	Ngã ba Đài tưởng niệm	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
103	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		105	84	67	49
104	Đường khu dân cư ấp 3	Hết ranh đất ông Huấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118)	Hết ranh đất nhà ông Mến (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 115)	50	40	32	32
105	Đường tránh	Cống Tầm Roong	Hết ranh đất ông Ham (hết ranh thửa đất số 244, tờ bản đồ số 124)	105	84	67	49
106	Đường vào Nghĩa địa ấp 4	Nhà ông Vũ Văn Khẩn (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84)	Nhà ông Dương Văn Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 91)	50	40	32	32
107	Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn hóa ấp 4)	Hết ranh nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)	Hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 91	105	84	67	49
108	Đường bê tông giáp ranh giữa xã Thanh Hòa và thị trấn Thanh Bình (cũ)	Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 124	Hết ranh thửa đất số 192, tờ bản đồ số 120	105	84	67	49
109	Đường nhựa	Ngã ba đồi chi khu	Ngã ba nhà bà Ti thôn 3	112	90	72	49
110	Đường quanh chợ Thiện Hưng	Toàn tuyến		50	40	32	32
111	Đường trong khu vực chợ	Toàn tuyến		50	40	32	32
112	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ	Trạm xá E717	50	40	32	32
113	Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng	Toàn tuyến		50	40	32	32
114	Đường Quy hoạch khu 3,4 ha	Toàn tuyến		112	90	72	49
115	Đường nhựa	Ngã ba thôn 6	Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	112	90	72	49
116	Đường nhựa	Ngã ba bến xe mới vào 30m	Nhà văn hóa cộng đồng	112	90	72	49
117	Đường nhựa	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148)	112	90	72	49
118	Đường nhựa	Hết ranh Trạm xá E717	Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717	112	90	72	49
119	Đường nhựa thôn 4	Đường ĐT759B	Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138)	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
120	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	50	40	32	32
121	Đường nhựa thôn 2	Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Đường nhựa thôn 5	50	40	32	32
122	Đường nhựa thôn 3	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145	50	40	32	32
123	Đường nhựa thôn 3	Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145	Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 145	50	40	32	32
124	Đường nhựa thôn 5	Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Chùa Tâm Pháp	50	40	32	32
125	Đường nhựa thôn 6	Ngã ba thôn 6	Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)	50	40	32	32
126	Đường nhựa thôn 6	Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	Ngã tư thôn 6	50	40	32	32
127	Đường nhựa thôn 6	Ngã tư thôn 6	Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 120, tờ bản đồ số 140)	50	40	32	32
128	Đường nhựa thôn 4	Ngã ba Nhà thờ	Hết thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138	50	40	32	32
129	Đường nhựa thôn 4	Giáp ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138	Ngã ba thôn 1	50	40	32	32
130	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		50	40	32	32
131	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32

86. Xã Tân Tiến

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Giáp ranh xã Lộc Quang	168	134	108	49
2	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Hiệp (cũ)	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	168	134	108	49
3	Đường ĐT 759B	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Giáo xứ Tân Thành	168	134	108	49
4	Đường ĐT 759B	Giáo xứ Tân Thành	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	168	134	108	49
5	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	168	134	108	49
6	Đường ĐT 759B	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	168	134	108	49
7	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	168	134	108	49
8	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường nhựa K2	168	134	108	49
9	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường nhựa K2	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	168	134	108	49
10	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Cổng chào ấp Tân An	168	134	108	49
11	Đường ĐT 759B	Cổng chào ấp Tân An	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	168	134	108	49
12	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		112	90	72	49
13	Đường liên doanh	Đường ĐT 759B	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	112	90	72	49
14	Đường liên doanh	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Đồn cầu trắng	112	90	72	49
15	Đường trong khu vực chợ Tân Thành	Toàn tuyến		50	40	32	32
16	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường ĐT759B (cổng chào ấp Tân Lợi)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16)	50	40	32	32
17	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Đường liên doanh (ngã ba nhà bà Năm Lầu)	Ngã ba Biển Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16)	50	40	32	32
18	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9	50	40	32	32
19	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phú)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17)	50	40	32	32
20	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (Cổng chào ấp Tân Phong)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8)	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
21	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (ngã ba cây tung)	Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7	50	40	32	32
22	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào ấp Tân Hội)	Hết tuyến	50	40	32	32
23	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (cổng chào cũ ấp Tân Hội)	Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6	50	40	32	32
24	Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26	50	40	32	32
25	Đường nhựa giáp ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính)	Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25	50	40	32	32
26	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an)	Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21	50	40	32	32
27	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24	50	40	32	32
28	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Định)	Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24	50	40	32	32
29	Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	50	40	32	32
30	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23	50	40	32	32
31	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Hiệp)	Hết ranh thửa đất số 32, tờ bản đồ số 14	50	40	32	32
32	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	112	90	72	49
33	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14	112	90	72	49
34	Đường nhựa C3	Ngã ba đường Liên Doanh	Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9	112	90	72	49
35	Đường nhựa ấp Tân Đông	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Đông)	Đập Bù Đạo	50	40	32	32
36	Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		50	40	32	32
37	Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ	Đường ĐT 759B	Suối Bù Đạo	112	90	72	49
38	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ đập tràn suối Bù Đạo	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	50	40	32	32
39	Đường nhựa ấp Tân Đông	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Cầu sắt ấp Tân Hiệp	50	40	32	32
40	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh)	Nhà ông Lê Văn Thiện (ấp Tân Lập)	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
41	Đường bê tông bên cạnh trường mầm non	Toàn tuyến		50	40	32	32
42	Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi	Đường liên doanh	Công ty Thanh Tòng	112	90	72	49
43	Đường nhựa ấp Tân Định	Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	50	40	32	32
44	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41	50	40	32	32
45	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43	50	40	32	32
46	Đường nhựa ấp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44	50	40	32	32
47	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		50	40	32	32
48	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		50	40	32	32
49	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	112	90	72	49
50	Đường Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Suối Đá	112	90	72	49
51	Đường Sóc Nê	Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88)	112	90	72	49
52	Đường trong khu vực chợ Tân Tiến	Toàn tuyến		50	40	32	32
53	Đường nhựa K2	Đường ĐT 759B	Suối K2	112	90	72	49
54	Đường nhựa K2	Suối K2	Hết tuyến	112	90	72	49
55	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Đường ĐT 759B (đoạn nắn cua)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	50	40	32	32
56	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba nhà Trường Yến (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72)	50	40	32	32
57	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân An)	Hết ranh đất ông Nông Văn Píu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79)	50	40	32	32
58	Đường nhựa ấp Tân Thuận	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Thuận)	Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70)	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
59	Đường nhựa ấp Tân Nhân	Đường ĐT 759B (cổng chào ấp Tân Nhân)	Hết ranh đất ông Bùi Văn Quỳ (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77)	50	40	32	32
60	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73)	50	40	32	32
61	Đường nhựa H8	Đường ĐT 759B	Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 80)	112	90	72	49
62	Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến	Toàn tuyến		112	90	72	49
63	Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Déng	50	40	32	32
64	Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xổ)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	50	40	32	32
65	Đường nhựa ấp Tân Bình (cổng chào Tân Bình)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	50	40	32	32
66	Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng)	Đường ĐT 759B	Kênh nhánh N12	50	40	32	32
67	Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Bế Văn Ba	50	40	32	32
68	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		50	40	32	32
69	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		50	40	32	32
70	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	Giáp ranh xã Lộc Tấn	105	84	67	44
71	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Nông trường II	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	105	84	67	44
72	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Ngã ba Trạm y tế	105	84	67	44
73	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Ngã ba Trạm y tế	Giáp ranh xã Lộc Quang	105	84	67	44
74	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên			50	40	32	32
75	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32

87. Xã Hưng Phước

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2	168	134	108	49
2	Đường ĐT 759B	Cầu sắt 2	Trụ sở UBND xã Hưng Phước	168	134	108	49
3	Đường ĐT 759B	Trụ sở UBND xã Hưng Phước	Cửa khẩu Hoàng Diệu	168	134	108	49
4	Đường Quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ)	Toàn tuyến		105	84	67	49
5	Đường giao thông đấu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		105	84	67	49
6	Đường nhựa ấp Tân Hưng	Đường ĐT 759B	Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 62, thửa đất số 9 đến thửa đất số 106, tờ bản đồ số 63)	50	40	32	32
7	Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện cổng chào ấp 6)	Đường ĐT 759B	Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 61, thửa đất số 19 đến tờ bản đồ số 48, thửa đất số 771)	50	40	32	32
8	Đường vào trường học cũ	Đường ĐT 759B	Vòng ra chợ cũ (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 66 đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 62)	50	40	32	32
9	Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà bà Hương (Tờ bản đồ số 66, thửa đất số 16 đến thửa đất số 76)	50	40	32	32
10	Đường nhựa ấp Điện Ảnh	Đường ĐT 759B	Nhà Văn hóa ấp Điện Ảnh (Đập M16) (Tờ bản đồ số 481, thửa đất số 16 đến thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49)	50	40	32	32
11	Đường DH07 (đường vào ấp Tân Lập)	Đường ĐT 759B	Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp (Tờ bản đồ số 39, thửa đất số 22 đến thửa đất số 7)	50	40	32	32
12	Đường vào chùa Phước Thiện (đối diện ấp 4 Hưng Phước)	Đường ĐT 759B	Chùa Phước Thiện (Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 101 đến thửa đất số 117)	50	40	32	32
13	Đường vào cầu suối	Đường ĐT 759B	Cầu suối (Tờ bản đồ số 41, thửa đất số 66 đến thửa đất số 67)	50	40	32	32

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
14	Đường nhựa	Đường ĐT 759B (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22	105	84	67	49
15	Đường nhựa	Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	105	84	67	49
16	Đường nhựa	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8	105	84	67	49
17	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Đường ĐT 759B	Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến	50	40	32	32
18	Đường nhựa ấp 5 - Phước Tiến	Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học ấp Phước Tiến	Hết tuyến	50	40	32	32
19	Đường nhựa ấp 4 - Bù Tam	Đường ĐT 759B	Nghĩa địa ấp Bù Tam	50	40	32	32
20	Đường nhựa ấp 3	Đường ĐT 759B	Hết ranh Công ty La Ra	50	40	32	32
21	Đường vào ấp 6	Đường ĐT 759B	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 30 ấp 6	50	40	32	32
22	Đường vào ấp 6	Đường ĐT 759B (Cổng chào văn hóa)	Hết tuyến	50	40	32	32
23	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32

88. Xã Đắk Ơ

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ơ	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47	252	202	161	49
2	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	252	202	161	49
3	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	252	202	161	49
4	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Trường học, trạm y tế	252	202	161	49
5	Đường ĐT 741	Trường học, trạm y tế	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	252	202	161	49
6	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	252	202	161	49
7	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Giáp ranh xã Bù Gia Mập	252	202	161	49
8	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	112	90	72	49
9	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	112	90	72	49
10	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ơ)	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Ranh giới xã Bù Gia Mập	112	90	72	49
11	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bưng, thôn 10)	Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39	112	90	72	49
12	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bưng, thôn 10)	Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39	Giáp đường tuần tra biên giới	112	90	72	49
13	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba thôn 3	112	90	72	49
14	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Ngã ba thôn 3	Giáp đường tuần tra biên giới	112	90	72	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
15	Đường Đắk Ơ 06 (thôn Đăk Lim đi thôn 4)	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	112	90	72	49
16	Đường Đắk Ơ 14	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đắk Ơ 12	112	90	72	49
17	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		112	90	72	49
18	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ)		112	90	72	49
19	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đắk Ơ	Các tuyến đường nội bộ còn lại		112	90	72	49
20	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		60	48	38	38
21	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		60	48	38	38

89. Xã Phú Nghĩa

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 760	Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang	Suối Tiền Giang	252	202	161	49
2	Đường ĐT 760	Suối Tiền Giang	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	252	202	161	49
3	Đường ĐT 760	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Ngã tư Quốc Tế	252	202	161	49
4	Đường ĐT 760	Ngã tư Quốc Tế	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	252	202	161	49
5	Đường ĐT 760	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	252	202	161	49
6	Đường ĐT 760	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng	252	202	161	49
7	Đường ĐT 760	Giáp ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng	Ranh đất lâm phần	252	202	161	49
8	Đường ĐT 760	Ranh đất lâm phần	Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ)	252	202	161	49
9	Đường ĐT 760	Tiếp giáp đường trung tâm xã	Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83	252	202	161	
10	Đường ĐT 760	Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83	Giáp ranh xã Phú Nghĩa cũ	252	202	161	
11	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Ngã ba NT Tỉnh uỷ Tiền Giang	252	202	161	49
12	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Giáp ranh đường vành đai trung tâm	252	202	161	49
13	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư quốc tế	Hết ranh đất hộ bà Trần Thị Phẩm (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84)	112	90	72	49
14	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108)	Nhà bà Nguyễn Thị Thủy (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 108)	112	90	72	49
15	Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ)	Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam)	Nhà ông Lê Thanh Dung (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 100)	112	90	72	49
16	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Ngã ba Nhà ông Điền (hết ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99)	112	90	72	49
17	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh đất nhà bà Thời (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 100)	112	90	72	49
18	Đường dưới lòng hồ (thôn 1)	Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số	Giáp đường trên lòng hồ	112	90	72	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
		383, tờ bản đồ số 103)					
19	Đường trên lòng hồ	Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi)	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đối diện quán nhà ông Hồng)	112	90	72	49
20	Đường ĐT 741	Ngã ba chốt số 6	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	252	202	161	
21	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	252	202	161	49
22	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Ngã ba Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	252	202	161	49
23	Đường ĐT 741	Ngã ba đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	252	202	161	49
24	Đường ĐT 741	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	252	202	161	49
25	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	252	202	161	49
26	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Cầu Phú Nghĩa	252	202	161	49
27	Đường ĐT 741	Cầu Phú Nghĩa	Đầu ngã ba gốc gõ	252	202	161	49
28	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba gốc gõ	Ngã ba Đức Lập	252	202	161	49
29	Đường ĐT 741	Ngã ba Đức Lập	Ngã ba Toàn Hữu	252	202	161	49
30	Đường ĐT 741	Ngã ba Toàn Hữu	Ngã ba Sóc Cùi	252	202	161	49
31	Đường ĐT 741	Ngã ba Sóc Cùi	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	252	202	161	49
32	Đường ĐT 741	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Giáp ranh xã Đắk Ơ	252	202	161	49
33	Trung tâm Đức Hạnh	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	112	90	72	
34	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	112	90	72	
35	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Ngã tư Quốc tế	112	90	72	
36	Đường thôn 19/5	Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	112	90	72	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
37	Đường thôn 19/5	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Cống 19/5	112	90	72	
38	Đường thôn 19/5	Cống 19/5 (ranh giới xã Phú Nghĩa và xã Đức Hạnh (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	112	90	72	49
39	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Giáp đường thôn 19/5	Cầu 19/5	112	90	72	
40	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Cầu 19/5	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	112	90	72	
41	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06)	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Giáp đường ĐT 760	112	90	72	
42	Đường Đội 3 - Bình Đức 2	Ngã ba Hội trường Bình Đức 2	Giáp đường trung tâm xã	112	90	72	
43	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14)	Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ))	112	90	72	
44	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Ngã tư Quốc Tế (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	112	90	72	
45	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Bến đò	112	90	72	
46	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03)	Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85	Nhà ông Hữu Chạy (đến thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85)	112	90	72	
47	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ)	Suối (đất bà Thủy Nhì)	112	90	72	
48	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Suối (đất bà Thủy Nhì) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai	112	90	72	
49	Đường đi Xóm Mới	Toàn tuyến		112	90	72	
50	Đường đi Xóm Chài	Toàn tuyến		112	90	72	
51	Đường Xóm Mới nối 19/5	Giáp Đường Xóm Mới	Giáp đường 19/5	112	90	72	
52	Đường sau khu tái định cư	Toàn tuyến		112	90	72	
53	Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ)	Toàn tuyến		112	90	72	
54	Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới)	Toàn tuyến		112	90	72	
55	Đường vào trung tâm Bình Đức 1	Ngã ba nhà bà Thái Thị Hướng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130)	Giáp trung tâm Bình Đức 1	112	90	72	
56	Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	112	90	72	

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
57	Đường vào chùa	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128)	Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 128	112	90	72	
58	Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ)) (Hướng Đông)	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
59	Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
60	Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường D15	Ngã ba đường D11	112	90	72	49
61	Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
62	Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
63	Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba đường N10	Ngã ba đường N11	112	90	72	49
64	Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã tư đường N11	112	90	72	49
65	Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N11	112	90	72	49
66	Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N8	Ngã tư đường N11	112	90	72	49
67	Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	112	90	72	49
68	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	112	90	72	49
69	Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
70	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba đường ĐT 741	Hết ranh quy hoạch chợ huyện	112	90	72	49
71	Đường thôn Đăk Son	Giáp ranh quy hoạch chợ huyện	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	112	90	72	49
72	Đường thôn Đăk Son	Ngã ba xưởng mộc ông Hùng	Ngã ba Hoa Thuận	112	90	72	49
73	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	112	90	72	49
74	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	112	90	72	49
75	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Cổng thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8)	112	90	72	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
76	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Giáp đường ĐT 741	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	112	90	72	49
77	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Suối Tà Niên	112	90	72	49
78	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba Sơn Hà	112	90	72	49
79	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba Sơn Hà	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	112	90	72	49
80	Đường thôn Tân Lập Gốc gõ đi đường ĐT 760	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Đường An Lương	112	90	72	49
81	Đường thôn Hai Căn	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	112	90	72	49
82	Đường thôn Hai Căn	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến	112	90	72	49
83	Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2	Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39)	112	90	72	49
84	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	112	90	72	49
85	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	Hết ranh khu niệm phật đường Tiên Sơn	112	90	72	49
86	Đường Vành đai trung tâm (phía Đông)	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp ĐT760	112	90	72	49
87	Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tưởng)	Ngã ba đường D8	112	90	72	49
88	Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
89	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã tư tiếp giáp đường N7	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760	112	90	72	49
90	Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	112	90	72	49
91	Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	112	90	72	49
92	Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường NB3	112	90	72	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
93	Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	112	90	72	49
94	Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	112	90	72	49
95	Đường N17 (đường sau lưng bộ đội)	Toàn tuyến		112	90	72	49
96	Đường nội bộ N1	Toàn tuyến		112	90	72	49
97	Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương)	Đường ĐT 741	Cầu Bù Ka	112	90	72	49
98	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	112	90	72	49
99	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Dốc 3 tầng	112	90	72	49
100	Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan	Đường ĐT 741	Hết tuyến	112	90	72	49
101	Đường nhựa thôn Phú Nghĩa	Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ))	112	90	72	49
102	Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24	Toàn tuyến		112	90	72	49
103	Đường D15a (Sau lưng Điện lực)	Toàn tuyến		112	90	72	49
104	Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	112	90	72	49
105	Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
106	Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
107	Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
108	Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
109	Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
110	Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
111	Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
112	Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
113	Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		112	90	72	49
114	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		112	90	72	49
115	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		60	48	38	38

90. Xã Đa Kia

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759	Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia)	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	210	168	134
2	Đường ĐT 759	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	210	168	134
3	Đường ĐT 759	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	210	168	134
4	Đường ĐT 759	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Ranh giới xã Thiện Hưng	210	168	134
5	Đường ĐT 759	Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12	252	202	161
6	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29	252	202	161
7	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45	252	202	161
8	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	252	202	161
9	Đường ĐT 759	Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình	Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53	252	202	161
10	Đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31)	252	202	161
11	Đường ĐT 760	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31)	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	252	202	161
12	Đường ĐT 760	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	252	202	161
13	Đường ĐT 760	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03)	252	202	161
14	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào	Giáp đường ĐT 759	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102	55	44	35

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Trung tâm hành chính xã hiện hữu)		(ông Bình) hướng ra đường ĐT 759			
15	Đường vào thôn Bình Tiến 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã)	55	44	35
16	Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ	Giáp đường ĐT 759	Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ	55	44	35
17	Đường thôn Bình Tân	Giáp đường ĐT 759	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	55	44	35
18	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102)	55	44	35
19	Đường thôn Bình Tân	Ngã ba đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà)	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)	55	44	35
20	Đường thôn Bình Tân + Bù Tam	Ngã ba Suối Muồng (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	55	44	35
21	Đường thôn Bù Tam	Ngã ba Suối đia (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ)	55	44	35
22	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129	55	44	35
23	Đường liên xã	Ngã tư đường N7	Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170	84	67	54
24	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Cổng chào thôn 3	84	67	54
25	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	84	67	54

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
26	Đường liên xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Giáp ranh xã Long Bình cũ	84	67	54
27	Đường trục xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Ngã tư Dốc Võng	84	67	54
28	Đường trung tâm xã	Ngã tư đường N7	Giáp nghĩa địa thôn 5	84	67	54
29	Đường trung tâm xã N3	Đường D1 (Trạm y tế xã)	Đường D8	84	67	54
30	Đường trung tâm xã D4	Đường N3 (Quán Sen hồ)	Ngã ba đường D7	84	67	54
31	Đường đi xã Bình Thắng cũ	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	112	90	72
32	Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ)	112	90	72
33	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kia (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13	112	90	72
34	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia A	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12	60	48	38
35	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12	60	48	38
36	Đường vào nhà thờ An Bình	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12	60	48	38
37	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19	60	48	38
38	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28	60	48	38
39	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20	60	48	38
40	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30	60	48	38
41	Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã)	Toàn tuyến		112	90	72
42	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51	60	48	38
43	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759 (cổng chào thôn 6)	Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46	60	48	38
44	Các tuyến đường bê tông đấu nối trực tiếp ra đường ĐT 759 trong phạm vi 250m	Toàn tuyến		112	90	72
45	Đường nhựa ngã ba nhà máy nước	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50	60	48	38

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
46	Đường nhựa vào trường TH Đa Kia C	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32	60	48	38
47	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40	60	48	38
48	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21	60	48	38
49	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		60	48	38
50	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		60	48	38

91. Xã Bù Gia Mập

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản	Giá đất rừng sản xuất
		Điểm đầu	Điểm cuối				
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đăk Ơ	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	100	90	72	49
2	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập		100	90	72	49
3	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45)	Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28)	100	90	72	49
4	Đường ĐT 760B	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	100	90	72	49
5	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	100	90	72	49
6	Đường ĐT 760B	Hết ranh Cổng vườn Quốc gia Bù Gia Mập	Hết ranh đất nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	100	90	72	49
7	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Điểu Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Đến nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	100	90	72	49
8	Đường ĐT 760B	Nhà ông Điểu Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	100	90	72	49
9	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44)	100	90	72	49
10	Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên	Đường ĐT 741	Suối Đăk Côn	60	48	38	38
11	Đường nhựa thôn Cầu Sắt	Đường ĐT 741	Nhà Lương Văn Tuyến (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19)	60	48	38	38
12	Đường nhựa đi thôn Đăk Á	Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42	60	48	38	38
13	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32
14	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		50	40	32	32

92. Xã Phú Riềng

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Đường vào chùa Pháp Tịnh	210	168	134
2	Đường ĐT 741	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	210	168	134
3	Đường ĐT 741	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	210	168	134
4	Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Cầu suối Rạt	210	168	134
5	Đường ĐT 741	Cầu suối Rạt	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	210	168	134
6	Đường ĐT 741	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	210	168	134
7	Đường ĐT 741	Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riềng cũ	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)	210	168	134
8	Đường ĐT 741	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)	Hết ranh đất trạm thu phí	210	168	134
9	Đường ĐT 741	Giáp đất trạm thu phí	Ngã ba đi Long Tân cũ	210	168	134
10	Đường ĐT 741	Ngã ba đi Long Tân cũ	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	210	168	134
11	Đường ĐT 741	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	210	168	134
12	Đường ĐT 741	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Giáp ranh xã Bình Tân	210	168	134
13	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư giáp Đường ĐT 741	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	210	168	134
14	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Ngã tư Cầu đường	210	168	134
15	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	210	168	134
16	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	210	168	134
17	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Giáp ranh giới xã Phú Trung	210	168	134
18	Đường ĐT 757	Ngã ba Bù Nho	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	210	168	134
19	Đường ĐT 757	Hết đất Trường THPT Nguyễn	Giáp ranh xã Long Hà	210	168	134

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Khuyến + 100m về hướng Long Hà				
20	Đường Số 2 TTTM Bù Nho	Lô đất LA2-1	Lô đất LC1-9	140	112	90
21	Đường Số 4 TTTM Bù Nho	Lô đất LE1-1	Lô đất LC2-6	140	112	90
22	Đường Số 6 TTTM Bù Nho	Lô đất LF1-2	Lô đất LC2-15	140	112	90
23	Khu đô thị Phú Cường	Các tuyến đường trong khu dân cư		140	112	90
24	Đường số 1 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	140	112	90
25	Đường số 2 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	140	112	90
26	Đường số 3 TTTM Phú Riềng	Lô phố chợ LG 24	Hết ranh đất chợ cũ	140	112	90
27	Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ)	Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	140	112	90
28	Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2	Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ)	Đường ĐT 757	140	112	90
29	Đường D1	Toàn tuyến		140	112	90
30	Đường D2	Toàn tuyến		140	112	90
31	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	140	112	90
32	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	Ranh xã Phước Tân (cũ)	140	112	90
33	Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ)	Đường N3a	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	140	112	90
34	Đường N9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
35	Đường D6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
36	Đường D6A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
37	Đường D6B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
38	Đường D6C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
39	Đường D6D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
40	Đường D6E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
41	Đường D7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
42	Đường N2a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
43	Đường D9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
44	Đường N3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
45	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường N9	Đường ĐT 741	140	112	90
46	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường ĐT 741	Đường D7	140	112	90

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
47	Đường N4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
48	Đường N4A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
49	Đường N4B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
50	Đường N4d (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
51	Đường N7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
52	Đường N7a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
53	Đường N7b (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
54	Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
55	Đường D3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
56	Đường D3A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
57	Đường D3B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
58	Đường D3C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
59	Đường D3D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
60	Đường D3E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
61	Đường D4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
62	Đường N4C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
63	Đường D5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
64	Đường D5A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
65	Đường N5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
66	Đường N6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
67	Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		140	112	90
68	Đường N8	Toàn tuyến		140	112	90
69	Đường số 1 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		140	112	90
70	Đường số 3 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		140	112	90
71	Đường số 5 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		140	112	90
72	Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	140	112	90
73	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m	Toàn tuyến		140	112	90

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
74	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		140	112	90
75	Đường vào nông trường 10 cũ	Ngã tư Phú Riềng	Giáp lô cao su nông trường 10	140	112	90
76	Đường Khu dân cư Xuân Anh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41)	140	112	90
77	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	140	112	90
78	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Ngã ba nhà ông Vy	140	112	90
79	Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741)	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Giáp ranh xã Phú Trung	140	112	90
80	Đường thôn Phú Vinh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43)	140	112	90
81	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường N9	Đường Tân Phú 1	140	112	90
82	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường Tân Phú 1	Đường N3a	140	112	90
83	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		140	112	90
84	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		81	65	52

93. Xã Phú Trung

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	182	146	116
2	Đường ĐT 759	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Nga ba đường N7	182	146	116
3	Đường ĐT 759	Nga ba đường N7	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	182	146	116
4	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	182	146	116
5	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	182	146	116
6	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	182	146	116
7	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Đồng Tâm	Ranh xã Nghĩa Trung	182	146	116
8	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	112	90	72
9	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101)	112	90	72
10	Đường Thác Ba	Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102)	Đến Cầu Thác Ba	112	90	72
11	Đường Thác Ba	Từ cầu Thác Ba	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	112	90	72
12	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Giáp thôn Bù Tố	Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung	112	90	72
13	Đường Bến Tre	Đường ĐT 759	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	112	90	72
14	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	112	90	72
15	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	112	90	72
16	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	112	90	72
17	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	112	90	72
18	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông	112	90	72
19	Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759	Đường ĐH312	Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ)	112	90	72
20	Đường N4	Toàn tuyến		112	90	72

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
21	Đường N5	Toàn tuyến		112	90	72
22	Đường N7	Toàn tuyến		112	90	72
23	Đường D1	Toàn tuyến		112	90	72
24	Đường giao thông đấu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		112	90	72
25	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		112	90	72
26	Đường Đồng Tâm - Bù Tố	Đường Thác Ba	Giáp ranh phường Phước Long	112	90	72
27	Đường D2	Toàn tuyến		112	90	72
28	Đường Thôn Đồng Tiến	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76	112	90	72
29	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759)	Giáp ranh xã Bình Tân	112	90	72
30	Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Giáp ranh phường Phước Bình	112	90	72
31	Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung	Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115)	Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115)	112	90	72
32	Các tuyến đường trung tâm xã	Toàn tuyến thuộc các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46	0	112	90	72
33	Đường thôn Phú An	Đường ĐT 753B (Ngã ba hội trường thôn Phú An)	Đến lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15)	112	90	72
34	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		112	90	72
35	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		77	62	49

94. Xã Long Hà

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Phú Riềng	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	130	91	15
2	Đường ĐT 757	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	130	91	15
3	Đường ĐT 757	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	130	91	15
4	Đường ĐT 757	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	130	91	15
5	Đường ĐT 757	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Cầu Trà Thanh	130	91	15
6	Đường ĐT 757B	Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ)	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	130	91	15
7	Đường ĐT 757B	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà	130	91	15
8	Đường ĐT 757B	Chòi mủ tổ 8, Đội Long Hà	Giáp ranh xã Bình Tân	130	91	15
9	Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	100	70	15
10	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2)	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Bắc)	100	70	15
11	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)	Giáp ranh khu QH đấu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	100	70	15
12	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	100	70	15
13	Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự	100	70	15
14	Đường quy hoạch số 2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ)	Tiếp giáp đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba Đường vào trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118)	100	70	15
15	Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		100	70	15
16	Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân (cũ)	Toàn tuyến		100	70	15
17	Đường liên huyện Phú Riềng (cũ) - cầu	Ngã ba tiếp giáp đường 327	Cầu Long Tân	100	70	15

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Long Tân đi Tân Hưng (Hớn Quản (cũ))					
18	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		80	55	15
19	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14	Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng tiếp giáp thửa 61, tờ 63	100	70	15
20	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 61, tờ bản đồ số 63	Hết ranh thửa 24, tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757	100	70	15
21	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Bình Tân	100	70	15
22	Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé	Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07	Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân)	100	70	15
23	Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà	Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137	100	70	15
24	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ)	Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130	100	70	15
25	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		100	70	15
26	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		55	39	15

95. Xã Bình Tân

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	182	146	116
2	Đường ĐT 741	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	182	146	116
3	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	182	146	116
4	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	182	146	116
5	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	182	146	116
6	Đường ĐT 757B	Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường)	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	182	146	116
7	Đường ĐT 757B	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	182	146	116
8	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang	182	146	116
9	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ)	Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66)	182	146	116
10	Đường ĐT 757B	Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66)	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	182	146	116
11	Đường ĐT 757B	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58)	182	146	116
12	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đường ĐT 741	Cách trường Mẫu giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m	112	90	72
13	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng	Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7	112	90	72
14	Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ)	Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7)	Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13	112	90	72
15	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba nhà ông Phù Vĩnh Pẩu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62)	Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64)	112	90	72
16	Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ)	Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741	Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8	112	90	72

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình	112	90	72
18	Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ)	Giáp ranh Phường Phước Long	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Viết Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138)	112	90	72
19	Đường Liên xã	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cầu Cửu Long	112	90	72
20	Đường liên xã	Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường)	Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B	112	90	72
21	Đường QH 12m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị	112	90	72
22	Đường QH 17m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều	112	90	72
23	Đường QH 15m	Đường QH 12m	Đường QH 17m	112	90	72
24	Đường giao thông đấu nối đường trung tâm xã	Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 125)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 107)	112	90	72
25	Đường quanh chợ	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ	112	90	72
26	Đường quanh chợ	Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long	Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2	112	90	72
27	Trung tâm Long Bình (cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Đức Long	Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai	112	90	72
28	Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh xã Phú Trung	112	90	72
29	Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh phường Phước Bình	112	90	72
30	Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	112	90	72
31	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m	Toàn tuyến		112	90	72
32	Đường giao thông đấu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		112	90	72
33	Đường dọc sông bé	Giáp ranh xã Long Hà	Đất ông Đặng Đình Hoạt	112	90	72
34	Các đường giao thông liên xã còn lại	Toàn tuyến		112	90	72

TT	Tên đường giao thông	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm	Giá đất trồng cây hằng năm	Giá đất nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
35	Các tuyến đường nhựa, bê tông nông thôn mới thuộc Trung tâm xã	Bao gồm các tờ bản đồ số: 106, 114, 124, 125		112	90	72
36	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		77	62	49